SAMSUNG

# Tài liệu hướng dẫn sử dụng

## TC191W
## TC241W

Màu sắc và hình dáng có thể khác nhau tùy theo sản phẩm và để cải tiến hoạt động, các thông số kỹ thuật có thể sẽ được thay đổi mà không cần thông báo trước.

BN46-00303A-03

# Mục lục


## TRƯỚC KHI SỬ DỤNG SẢN PHẨM

7 **Bản quyền**
8 Các biểu tượng được sử dụng trong sách hướng dẫn này
8 Ký hiệu cho các lưu ý an toàn

9 **Làm sạch**
9 Làm sạch
10 Bảo đảm không gian lắp đặt
10 Lưu ý khi cất giữ

11 **Các lưu ý về an toàn**
11 Điện và an toàn
12 Cài đặt
14 Hoạt động

18 **Tư thế đúng khi sử dụng sản phẩm**

## CHUẨN BỊ

19 **Kiểm tra các thành phần**
19 Tháo gói bọc sản phẩm
20 Kiểm tra các thành phần

22 **Các bộ phận**
22 Các nút phía trước
24 Nhìn từ phía sau
25 Nhìn từ bên

26 **Cài đặt**
26 Ráp chân đế
27 Điều chỉnh độ nghiêng và độ cao của sản phẩm
27 Xoay màn hình
28 Lắp đặt giá treo tường/giá trên mặt bàn
30 Khóa chống trộm

## SỬ DỤNG "WINDOWS EMBEDDED STANDARD 7"

31 **Máy khách "Windows Embedded Standard 7" là gì?**

# Mục lục


33 **Kết nối để Sử dụng "Windows Embedded Standard 7"**
33 Kết nối LAN
33 Kết nối các thiết bị USB

34 **Sử dụng "Windows Embedded Standard 7"**
34 Logon
34 Màn hình "Windows Embedded Standard 7"
35 Caùc chöông trình
42 Caáu hình Caùc Tieän ích
43 Khoâi phuïc laïi Heä thoáng

## KẾT NỐI VÀ SỬ DỤNG THIẾT BỊ NGUỒN

45 **Before Connecting**
45 Những điểm cần kiểm tra trước khi kết nối

46 **Kết nối và sử dụng PC**
46 Kết nối với máy tính
47 Cài đặt trình điều khiển
48 Thiết lập độ phân giải tối ưu
49 Thay đổi độ phân giải bằng máy tính

52 **Kết nối với thiết bị video**
52 Kết nối với Màn hình Đôi
52 Kết nối cáp NỐI TIẾP
53 Kết nối Microphone
53 Kết nối với Tai nghe
53 Kết nối Nguồn

## THIẾT LẬP MÀN HÌNH

54 **Brightness**
54 Đặt cấu hình cho **Brightness**

55 **Contrast**
55 Đặt cấu hình **Contrast**

56 **Sharpness**
56 Đặt cấu hình **Sharpness**

57 **SAMSUNG MAGIC Bright**
57 Cấu hình **SAMSUNG MAGIC Bright**

# Mục lục


58 **SAMSUNG MAGIC Angle**
58 Cấu hình **SAMSUNG MAGIC Angle**
60 **Coarse**
60 Điều chỉnh **Coarse**
61 **Fine**
61 Điều chỉnh **Fine**

## ĐẶT CẤU HÌNH TÔNG MÀU

62 **SAMSUNG MAGIC Color**
62 Cấu hình **SAMSUNG MAGIC Color**
63 **Red**
63 Đặt cấu hình **Red**
64 **Green**
64 Đặt cấu hình **Green**
65 **Blue**
65 Đặt cấu hình **Blue**
66 **Color Tone**
66 Cấu hình cài đặt **Color Tone**
67 **Gamma**
67 Đặt cấu hình **Gamma**

## THAY ĐỔI KÍCH THƯỚC HOẶC ĐỊNH VỊ LẠI MÀN HÌNH

68 **H-Position & V-Position**
68 Đặt cấu hình **H-Position** & **V-Position**
69 **Image Size (chỉ mẫu TC241W)**
69 Thay đổi **Image Size**
70 **Menu H-Position & Menu V-Position**
70 Đặt cấu hình **Menu H-Position** & **Menu V-Position**

## THIẾT LẬP VÀ KHÔI PHỤC

71 **Reset**
71 Bắt đầu cài đặt (**Reset**)

# Mục lục


72 **Language**
72 Thay đổi **Language**

73 **Eco Saving**
73 Đặt cấu hình **Eco Saving**

74 **Clock**
74 Cấu hình **Clock**

75 **Off Timer**
75 Đặt cấu hình **Off Timer**

76 **On Timer**
76 Cấu hình **On Timer**

77 **On Timer Source**
77 Cấu hình **On Timer Source**

78 **On Timer Volume**
78 Cấu hình **On Timer Volume**

79 **Customized Key**
79 Cấu hính **Customized Key**

80 **Display Time**
80 Đặt cấu hình **Display Time**

81 **Menu Transparency**
81 Thay đổi **Menu Transparency**

## MENU INFORMATION VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC

82 **INFORMATION**
82 Hiển thị **INFORMATION**

82 **Cấu hính Volume trên Màn hình khởi động**

## CÀI ĐẶT PHẦN MỀM

83 **Natural Color**
83 **Natural Color** là gì?

84 **MultiScreen**
84 Cài đặt phần mềm
85 Gỡ bỏ phần mềm

# Mục lục


86 **MagicRMS Pro**
86 Giới thiệu về MagicRMS Pro
86 Các thành phần
87 **MagicRMS Pro Server**
87 **MagicRMS Pro Database**
87 **MagicRMS Pro Console**
87 **PXE**
88 **MagicRMS Pro Agent**

**HƯỚNG DẪN XỬ LÝ SỰ CỐ**

89 **Requirements Before Contacting Samsung Customer Service Center**
89 Kiểm tra sản phẩm
89 Kiểm tra độ phân giải và tần số
89 Kiểm tra những mục sau đây.
92 **Hỏi & Đáp**

**CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT**

94 **General**
96 **Trình tiết kiệm năng lượng**
97 **Standard Signal Mode Table**

**PHỤ LỤC**

100 **Liên hệ SAMSUNG WORLDWIDE**
106 **Trách nhiệm đối với Dịch vụ thanh toán (Chi phí đối với khách hàng)**
106 Không phải lỗi sản phẩm
106 Hỏng hóc sản phẩm do lỗi của khách hàng
106 Khác
108 **Thuật ngữ**

**CHỈ MỤC**

## Bản quyền

Nội dụng của sách hướng dẫn này có thể thay đổi để cải thiện chất lượng mà không cần thông báo.

© 2012 Samsung Electronics

Samsung Electronics sở hữu bản quyền đối với sách hướng dẫn này.

Cấm sử dụng hoặc sao chép một phần hoặc toàn bộ sách hướng dẫn này mà không có sự ủy quyền của Samsung Electronics.

Microsoft, Windows và Windows NT là các nhãn hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation.

VESA, DPM và DDC là các nhãn hiệu đã đăng ký của Video Electronics Standards Association.

## Các biểu tượng được sử dụng trong sách hướng dẫn này

| | |
|---|---|
| | Các hình ảnh sau chỉ để tham khảo. Các tình huống trong thực tế có thể khác với minh họa trong hình ảnh. |

## Ký hiệu cho các lưu ý an toàn

| | |
|---|---|
| Cảnh báo | Có thể xảy ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong nếu không tuân theo các hướng dẫn. |
| Thận trọng | Có thể xảy ra thương tích cá nhân hoặc thiệt hại tài sản nếu không tuân theo các hướng dẫn. |
| | Các hoạt động được đánh dấu bằng biểu tượng này là bị cấm. |
| | Phải tuân thủ các hướng dẫn được đánh dấu bằng biểu tượng này. |

# Làm sạch

## Làm sạch

Hãy cẩn thận khi làm sạch vì màn hình và bên ngoài của các LCD tiên tiến dễ bị trầy xước.

Tiến hành các bước sau khi làm sạch.

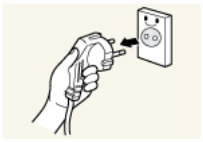

1. Tắt nguồn màn hình và máy tính.
2. Rút cáp nguồn điện ra khỏi màn hình.

Giữ cáp nguồn ở phích cắm và không chạm vào cáp với tay ướt. Nếu không, có thể xảy ra điện giật.

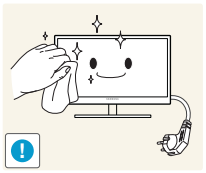

3. Sử dụng miếng vải khô, mềm và sạch để lau chùi màn hình.

- Không bôi chất làm sạch chứa cồn, dung môi hoặc chất có hoạt tính bề mặt vào màn hình.

- Không phun nước hoặc chất làm sạch trực tiếp lên sản phẩm.

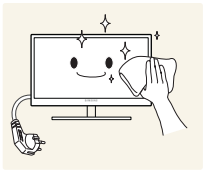

4. Làm ướt miếng vải mềm và khô với nước rồi vắt kỹ để lau bên ngoài màn hình.

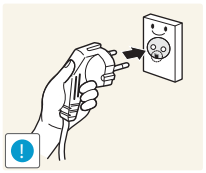

5. Cắm cáp nguồn điện vào sản phẩm sau khi lau sạch sản phẩm.
6. Bật nguồn màn hình và máy tính.

## Bảo đảm không gian lắp đặt

- Đảm bảo là có khoảng cách xung quanh sản phẩm để tạo sự thông thoáng. Sự tăng nhiệt độ theo khoảng cách thời gian có thể gây ra hỏa hoạn và làm hỏng sản phẩm. Hãy chắc chắn là bạn để ra một khoảng không gian như hình vẽ dưới đây hoặc lớn hơn khi lắp đặt sản phẩm.

Bề ngoài có thể khác nhau tùy theo sản phẩm.

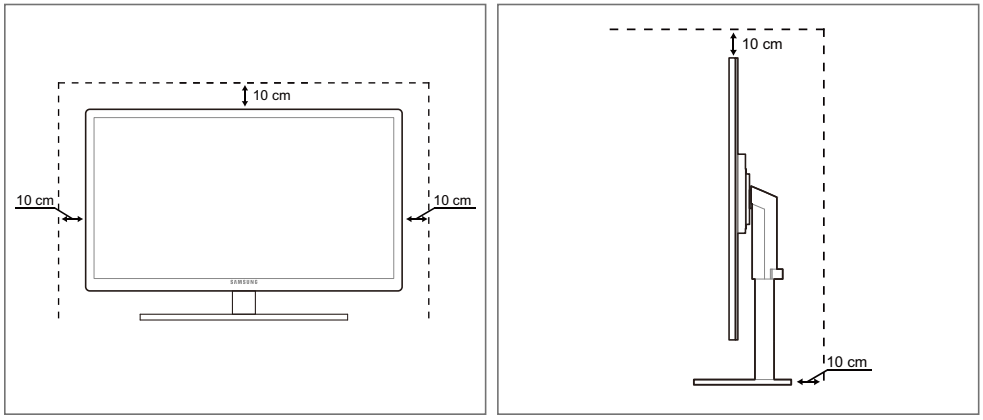


## Lưu ý khi cất giữ

Đảm bảo liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung (trang 100) nếu cần làm sạch bên trong màn hình. (phí dịch vụ sẽ được áp dụng)

# Các lưu ý về an toàn

## Điện và an toàn

Các hình ảnh sau chỉ để tham khảo. Các tình huống trong thực tế có thể khác với minh họa trong hình ảnh.

### Cảnh báo

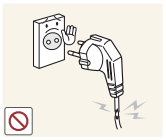

Không sử dụng dây nguồn hoặc phích cắm bị hỏng, hoặc ổ cắm điện bị lỏng.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

Không cắm nhiều sản phẩm vào cùng ổ cắm điện.

- Nếu không, ổ cắm có thể bị quá nhiệt và gây ra hỏa hoạn.

Không chạm vào phích cắm nguồn với tay ướt.

- Nếu không, có thể xảy ra điện giật.

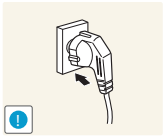

Cắp phích cắm nguồn vào hết cỡ để không bị lỏng.

- Kết nối không ổn định có thể gây ra hỏa hoạn.

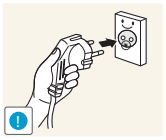

Cắm phích cắm nguồn vào ổ cắm nguồn được tiếp đất (chỉ các thiết bị được cách điện loại 1).

- Có thể xảy ra điện giật hoặc thương tích.

Không bẻ cong hoặc giật mạnh dây nguồn. Không đặt vật nặng lên dây nguồn.

- Dây nguồn bị hỏng có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

Không đặt dây nguồn hoặc sản phẩm gần các nguồn nhiệt.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

Nếu chân ghim của cáp nguồn hoặc ổ điện bị chất lạ phủ kín (bụi, v.v.), dùng mảnh vải khô lau sạch.

- Nếu không, có thể xảy ra hỏa hoạn.

### Thận trọng

Không rút dây nguồn khi sản phẩm đang được sử dụng.

- Sản phẩm có thể bị hỏng do sốc điện.

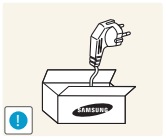

Không sử dụng dây nguồn cho sản phẩm không phải sản phẩm được ủy quyền do Samsung cung cấp.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

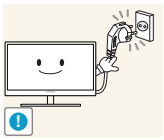

Đảm bảo ổ cắm điện sẽ được sử dụng để cắm dây nguồn không bị cản trở.

- Nếu xảy ra bất kỳ sự cố nào trong sản phẩm, hãy rút cáp nguồn để ngắt hoàn toàn nguồn điện vào sản phẩm.

  Không thể ngắt hoàn toàn nguồn điện vào sản phẩm với nút nguồn.

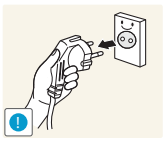

Giữ phích cắm khi rút dây nguồn khỏi ổ cắm nguồn.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

## Cài đặt

### Cảnh báo

Không đặt nến, nhang đuổi côn trùng hoặc thuốc lá trên đỉnh sản phẩm. Không lắp đặt sản phẩm gần các nguồn nhiệt.

- Nếu không, có thể xảy ra hỏa hoạn.

Tránh lắp đặt sản phẩm trong khu vực chật hẹp có thông gió kém, chẳng hạn như giá sách hoặc hốc tường.

- Nếu không, có thể xảy ra hỏa hoạn do nhiệt độ bên trong tăng lên.

Giữ túi nhựa đóng gói sản phẩm ở nơi trẻ em không thể với tới được.

- Trẻ em có thể bị ngạt thở.

# Trước khi sử dụng sản phẩm

Không lắp đặt sản phẩm trên bề mặt không vững chắc hoặc rung động (giá đỡ không chắc chắn, bề mặt nghiêng, v.v.).

- Sản phẩm có thể đổ và bị vỡ hoặc gây ra thương tích cá nhân.
- Sử dụng sản phẩm ở khu vực có độ rung quá mức có thể làm hỏng sản phẩm hoặc gây ra hỏa hoạn.

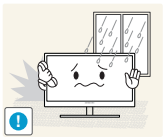

Không lắp đặt sản phẩm trên xe hoặc ở nơi tiếp xúc với bụi, hơi ẩm (nước chảy nhỏ giọt, v.v.), dầu hoặc khói.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

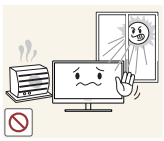

Không để sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng, nhiệt hoặc đồ vật nóng như bếp.

- Nếu không, tuổi thọ của sản phẩm có thể bị giảm hoặc có thể xảy ra hỏa hoạn.

Không lắp đặt sản phẩm trong tầm với của trẻ em.

- Sản phẩm có thể bị đổ và làm cho trẻ bị thương.

## Thận trọng

Cẩn thận để không làm rơi sản phẩm khi di chuyển.

- Nếu không, có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm hoặc thương tích cá nhân.

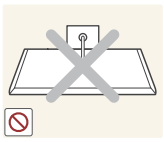

Không đặt úp mặt trước của sản phẩm xuống.

- Màn hình có thể bị hỏng.

Khi lắp đặt sản phẩm trên tủ hoặc trên giá, đảm bảo rằng cạnh dưới của mặt trước sản phẩm không nhô ra ngoài.

- Sản phẩm có thể đổ và bị vỡ hoặc gây ra thương tích cá nhân.
- Chỉ lắp đặt sản phẩm trên tủ hoặc giá đúng kích thước.

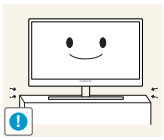

Đặt sản phẩm xuống cẩn thận.

- Sản phẩm có thể đổ và bị vỡ hoặc gây ra thương tích cá nhân.

Lắp đặt sản phẩm ở những nơi khác thường (nơi tiếp xúc với nhiều hạt mịn, hóa chất hoặc nhiệt độ quá nóng/lạnh hoặc tại sân bay hay ga tàu mà sản phẩm phải hoạt động liên tục trong thời gian dài) có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu suất của sản phẩm.

- Đảm bảo hỏi ý kiến Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung (trang 100) trước khi lắp đặt nếu bạn muốn lắp đặt sản phẩm ở nơi như vậy.

## Hoạt động

### Cảnh báo

Điện áp cao chạy qua sản phẩm. Không cố tự tháo, sửa chữa hoặc sửa đổi sản phẩm.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.
- Hãy liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung (trang 100) để sửa chữa.

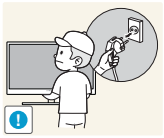

Trước khi di chuyển sản phẩm, hãy tắt công tắc nguồn và rút cáp nguồn cũng như tất cả các cáp được kết nối khác.

- Nếu không, dây nguồn có thể bị hỏng và có thể xảy ra hỏa hoạn hoặc điện giật.

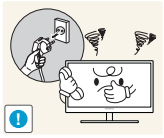

Nếu sản phẩm phát ra tiếng động lạ, mùi khét hoặc khói, hãy rút dây nguồn ngay lập tức và liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung (trang 100).

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

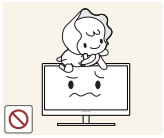

Không để trẻ em đu lên sản phẩm hoặc trèo lên đỉnh sản phẩm.

- Sản phẩm có thể đổ và trẻ có thể bị thương hoặc chấn thương nghiêm trọng.

Nếu sản phẩm bị đổ hoặc phần bên ngoài bị hỏng, hãy tắt nguồn sản phẩm, rút dây nguồn và liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung (trang 100).

- Nếu không, có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

# Trước khi sử dụng sản phẩm

Không đặt vật nặng, đồ chơi hoặc kẹo lên trên đỉnh sản phẩm.

- Sản phẩm hoặc vật nặng có thể đổ khi trẻ cố gắng với lấy đồ chơi hoặc kẹo, gây ra thương tích nghiêm trọng.

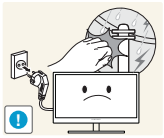

Khi có chớp hoặc sấm sét, hãy tắt nguồn sản phẩm và rút cáp nguồn.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

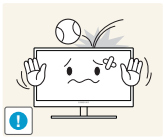

Không làm rơi các đồ vật lên sản phẩm hoặc gây ra va chạm.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

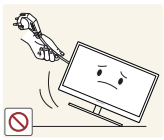

Không di chuyển sản phẩm bằng cách kéo dây nguồn hoặc bất kỳ cáp nào.

- Nếu không, cáp nguồn có thể bị hỏng và có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn.

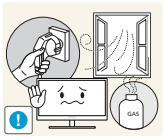

Nếu phát hiện rò rỉ gas, không chạm vào sản phẩm hoặc phích cắm nguồn. Đồng thời, thông gió khu vực đó ngay lập tức.

- Tia lửa điện có thể gây nổ hoặc hỏa hoạn.
- Trong khi có chớp hoặc sấm sét, không chạm vào dây nguồn hoặc cáp ăng-ten.

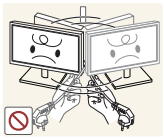

Không nâng hoặc di chuyển sản phẩm bằng cách kéo dây nguồn hoặc bất kỳ cáp nào.

- Nếu không, cáp nguồn có thể bị hỏng và có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn.

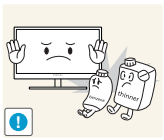

Không sử dụng hoặc cất giữ các bình xịt dễ cháy nổ hoặc chất dễ cháy gần sản phẩm.

- Có thể xảy ra nổ hoặc hỏa hoạn.

Đảm bảo các lỗ thông gió không bị khăn trải bàn hoặc rèm cửa che kín.

- Nếu không, có thể xảy ra hỏa hoạn do nhiệt độ bên trong tăng lên.

Không chèn đồ vật kim loại (đũa, đồng xu, kẹp tóc, v.v.) hoặc đồ vật dễ cháy (giấy, diêm, v.v.) vào lỗ thông gió hoặc các cổng trên sản phẩm.

- Nếu nước hoặc bất kỳ vật chất lạ nào rơi vào sản phẩm, đảm bảo tắt nguồn sản phẩm, rút dây nguồn và liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung (trang 100).
- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn.

Không đặt các vật chứa chất lỏng (bình, lọ, chai, v.v.) hoặc đồ vật bằng kim loại trên đỉnh sản phẩm.

- Nếu nước hoặc bất kỳ vật chất lạ nào rơi vào sản phẩm, đảm bảo tắt nguồn sản phẩm, rút dây nguồn và liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung (trang 100).
- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn.

## Thận trọng

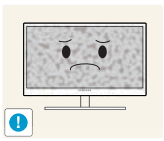

Để màn hình hiển thị hình ảnh tĩnh trong một thời gian dài có thể gây ra hiện tượng lưu ảnh hoặc điểm ảnh bị khuyết.

- Nếu bạn không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài, hãy kích hoạt chế độ tiết kiệm điện hoặc trình bảo vệ màn hình bằng hình ảnh chuyển động.

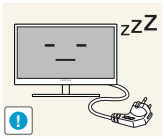

Rút dây nguồn khỏi ổ cắm nguồn nếu bạn không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài (trong kỳ nghỉ, v.v.).

- Nếu không, có thể xảy ra hỏa hoạn do bụi bẩn tích tụ, quá nhiệt, điện giật hoặc rò điện.

Sử dụng sản phẩm ở độ phân giải và tần số khuyến nghị.

- Thị lực của bạn có thể bị giảm.

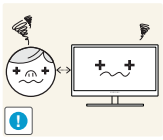

Nhìn màn hình ở khoảng cách quá gần trong thời gian dài có thể làm giảm thị lực của bạn.

Không giữ màn hình lật ngược lại hoặc di chuyển bằng cách giữ chân đế.

- Sản phẩm có thể đổ và bị vỡ hoặc gây ra thương tích cá nhân.

Không sử dụng máy làm ẩm hoặc bếp lò quanh sản phẩm.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

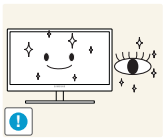

Để mắt bạn nghỉ ngơi trên 5 phút sau mỗi giờ sử dụng sản phẩm.

- Mắt của bạn sẽ hết mỏi.

Không chạm vào màn hình khi đã bật sản phẩm trong một thời gian dài vì màn hình sẽ trở nên nóng.

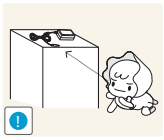

Cất giữ các phụ kiện nhỏ được sử dụng với sản phẩm ngoài tầm với của trẻ em.

Hãy thận trọng khi điều chỉnh góc của sản phẩm hoặc độ cao chân đế.

- Nếu không, ngón tay hoặc bàn tay của trẻ có thể kẹt vào phụ kiện và bị thương.
- Nghiêng sản phẩm quá mức có thể khiến sản phẩm bị đổ và gây ra thương tích cá nhân.

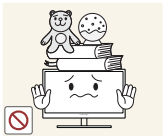

Không đặt vật nặng lên sản phẩm.

- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm hoặc thương tích cá nhân.

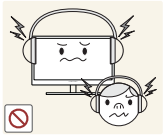

Khi sử dụng tai nghe, không vặn âm lượng quá cao.

- Nghe âm thanh quá to có thể làm giảm thính lực của bạn.

## Tư thế đúng khi sử dụng sản phẩm

Sử dụng sản phẩm với tư thế đúng như sau:

- Giữ thẳng lưng.
- Để khoảng cách từ 45 đến 50cm từ mắt bạn tới màn hình, và hơi nhìn xuống màn hình.

  Giữ mắt ở ngay phía trước màn hình.
- Điều chỉnh góc sao cho ánh sáng không phản chiếu vào màn hình.
- Giữ cho cẳng tay vuông góc với cẳng tay trên và ngang bằng với mu bàn tay của bạn.
- Giữ khuỷu tay bạn ở góc vuông.
- Điều chỉnh độ cao của sản phẩm để bạn có thể giữ đầu gối ở góc 90 độ hoặc lớn hơn, gót chân đặt trên sàn và tay bạn ở phía dưới tim.

# 1 Chuẩn bị

## 1.1 Kiểm tra các thành phần

### 1.1.1 Tháo gói bọc sản phẩm

1 Mở hộp bao bì. Cẩn thận để không làm hỏng sản phẩm khi bạn mở bao bì với dụng cụ sắc.

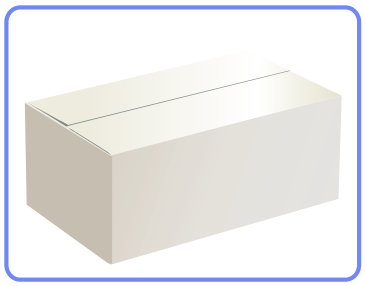

2 Tháo các tấm xốp cứng ra khỏi sản phẩm.

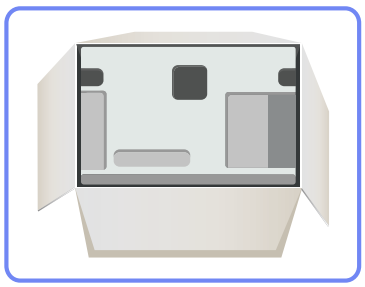

3 Kiểm tra các thành phần và tháo bao xốp Styrofoam và túi nilon ra.

- Bề ngoài của các thành phần thật có thể khác so với hình ảnh trình bày.
- Hình ảnh chỉ có tính chất tham khảo.

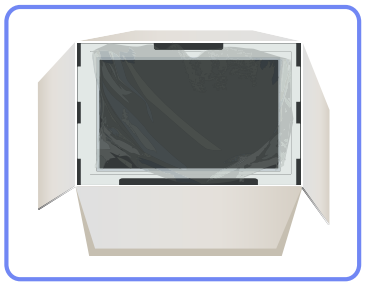

4 Cất hộp ở nơi khô ráo để sau này sử dụng khi di chuyển sản phẩm.

## 1.1.2 Kiểm tra các thành phần

- Liên hệ với đại lý bạn đã mua sản phẩm nếu thiếu bất kỳ mục nào.
- Bề ngoài của các thành phần và chi tiết bán riêng có thể khác so với hình ảnh trình bày.

### Các thành phần

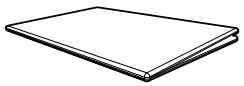

Hướng dẫn cài đặt nhanh

Thẻ bảo hành
(Chỉ có ở một số khu vực)

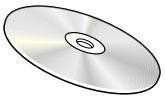

Tài liệu hướng dẫn sử dụng

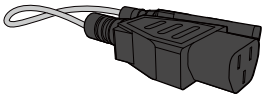

Cáp nguồn

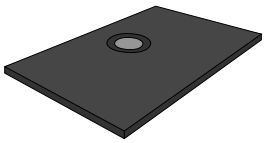

Chân đế

Các thành phần có thể khác nhau tại các địa điểm khác nhau.

## Các phụ kiện được bán riêng

Có thể mua các chi tiết sau đây tại cửa hàng bán lẻ gần nhất.

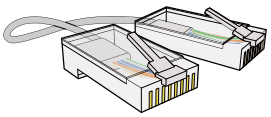

Cáp LAN

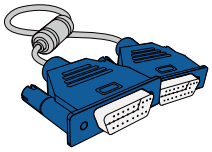

Cáp D-SUB

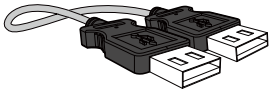

Cáp USB

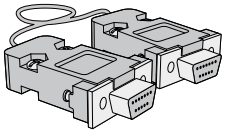

Cáp RS-232C

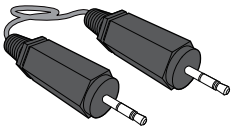

Cáp stereo

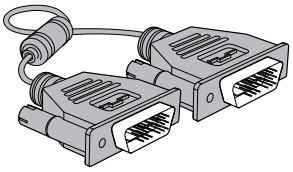

Cáp DVI

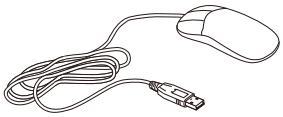

Chuột (USB)

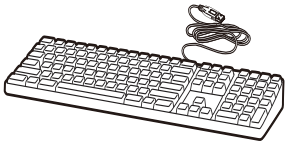

Bàn phím

Tai nghe

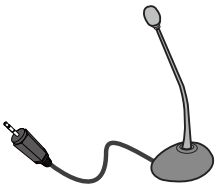

MIC

# 1.2 Các bộ phận

## 1.2.1 Các nút phía trước

Màu sắc và hình dạng các bộ phận có thể khác so với hình trình bày. Để nâng cao chất lượng, thông số kĩ thuật có thể thay đổi mà không có thông báo.

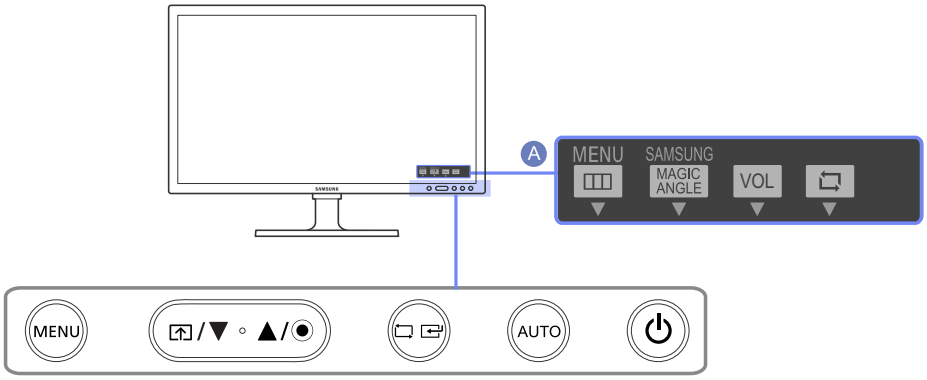


| Biểu tượng | Mô tả |
|---|---|
| MENU | Mở hoặc đóng menu hiển thị trên màn hình (OSD) hoặc trở lại menu trước.<br>• Khóa phím<br>Chức năng này khóa các nút ở mặt trước của sản phẩm để ngăn các cài đặt hiện tại không bị thay đổi bởi các cài đặt khác.<br>Khoá: Nhấn và giữ nút [MENU] trong 5 giây. Chế độ khóa phím sẽ được bật.<br>Mở khóa: Nhấn và giữ nút [MENU] trong 5 giây khi khóa phím được bật. Chế độ khóa phím sẽ bị tắt.<br>Khi chế độ khóa phím bật lên, tất cả các nút ở phía trước sản phẩm đều bị tắt. |
| | Cấu hình **Customized Key**, đi đến **SETUP&RESET** → **Customized Key** và chọn chế độ bạn muốn.<br>Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo "7.9 Customized Key". |
| ▲/▼ | Di chuyển đến menu phía trên hoặc phía dưới hoặc điều chỉnh giá trị cho một tùy chọn trên menu OSD. |

# 1 Chuẩn bị

| Biểu tượng | Mô tả |
|---|---|
| | Nhấn nút để điều chỉnh âm lượng.<br>Khi hướng dẫn OSD được hiển thị, nút [◉] kích hoạt chức năng được chỉ định cho **Volume**. |
| | Xác nhận lựa chọn một trình đơn.<br>Nhấn nút [⮌/⏎] khi menu OSD không hiển thị sẽ thay đổi nguồn vào (**Client**/**Analog**). Nếu bạn bật nguồn trên sản phẩm hoặc thay đổi nguồn vào bằng cách nhấn nút [⮌/⏎], một thông báo sẽ xuất hiện cho biết nguồn vào đã thay đổi sẽ xuất hiện ở góc trên cùng bên trái của màn hình. |
| | Nhấn nút [AUTO] để điều chỉnh các cài đặt màn hình một cách tự động.<br>• Chỉ hoạt động trong chế độ **Analog**.<br>• Thay đổi độ phân giải trong Các thuộc tính màn hình sẽ kích hoạt tính năng **Auto Adjustment**. |
| | Sử dụng nút này để bật và tắt Màn hình.<br>Việc nhấn nút nguồn trong hơn 4 giây sẽ buộc sản phẩm tắt.<br>• Đèn báo nguồn sẽ sáng khi sản phẩm đang hoạt động bình thường.<br>• Tham khảo "11.2 Trình tiết kiệm năng lượng" để tìm hiểu thông tin chi tiết về tính năng tiết kiệm điện.<br>• Để giảm mức tiêu thụ điện, tốt nhất là rút cáp nguồn khi bạn không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài. |
| A Hướng dẫn OSD | Ấn một trong các nút trên màn hình, Hướng dẫn OSD sẽ xuất hiện trên màn hình. (Điều này không áp dụng cho nút nguồn.)<br>Nếu bạn ấn một nút ở phía trước của màn hình, Hướng dẫn OSD sẽ hiển thị tính năng của nút đó trước khi trình đơn của nút bạn đã ấn xuất hiện.<br>Để vào trình đơn, ấn nút lại vào nút đó ở phía trước màn hình.<br>Hướng dẫn OSD có thể thay đổi tùy theo tính năng và mẫu sản phẩm. Hãy tham khảo sản phẩm thực tế. |

## 1.2.2 Nhìn từ phía sau

Màu sắc và hình dạng các bộ phận có thể khác so với hình trình bày. Để nâng cao chất lượng, thông số kĩ thuật có thể thay đổi mà không có thông báo.

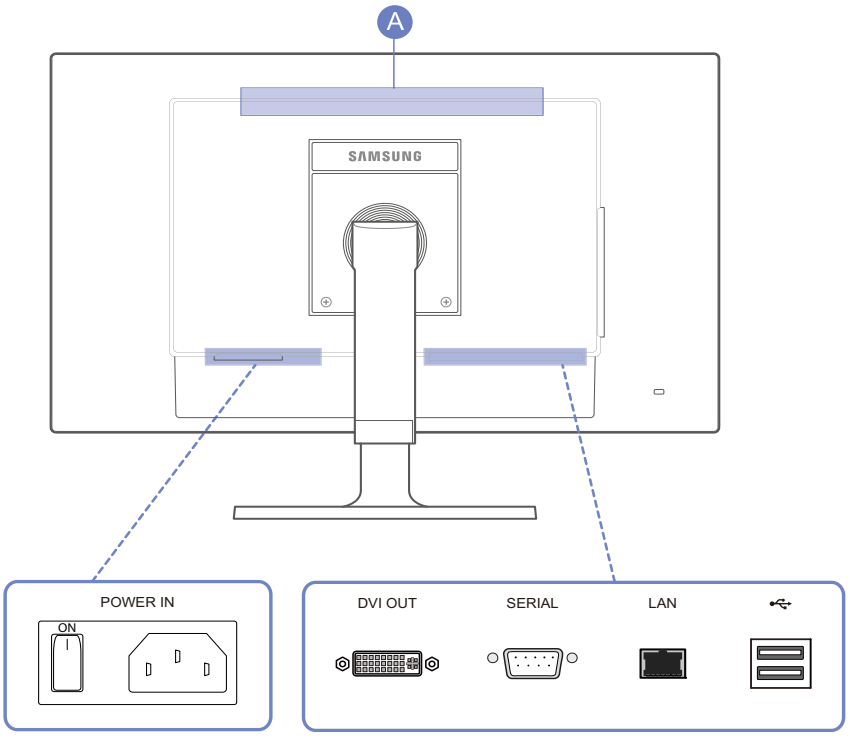


| Cổng | Mô tả |
|---|---|
| POWER IN 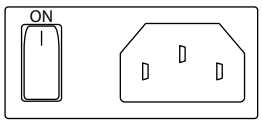  | Kết nối với dây nguồn. |
| DVI OUT 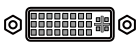 | Kết nối với thiết bị Màn hình bằng cáp DVI. |
| SERIAL | Kết nối với thiết bị hỗ trợ kết nối RS-232C (giao diện). |
| LAN | Kết nối mạng bằng cáp LAN. |
| | Kết nối với thiết bị USB. |
| A Loa | - |

### 1.2.3 Nhìn từ bên

Màu sắc và hình dạng các bộ phận có thể khác so với hình trình bày. Để nâng cao chất lượng, thông số kĩ thuật có thể thay đổi mà không có thông báo.

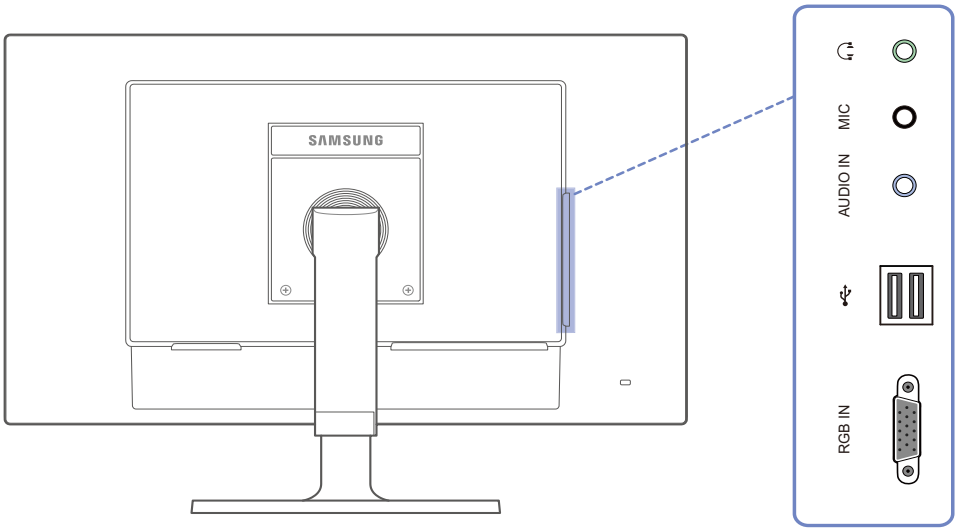


| Cổng | Mô tả |
|---|---|
| | Kết nối với thiết bị đầu ra âm thanh như tai nghe. |
| MIC | Kết nối với microphone. |
| AUDIO IN | Nhận âm thanh từ PC qua cáp âm thanh. |
| | Kết nối với thiết bị USB. |
| RGB IN | Kết nối với thiết bị máy tính bằng cáp D-SUB. |

# 1.3 Cài đặt

## 1.3.1 Ráp chân đế

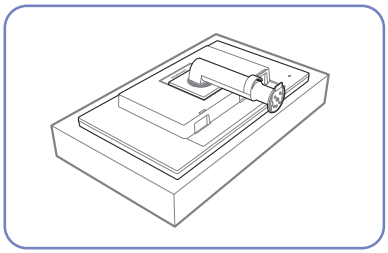

Đặt một miếng vải hoặc đệm bảo vệ trên một mặt phẳng. Tiếp theo, đặt sản phẩm quay mặt xuống phía trên của tấm vải hoặc miếng đệm.

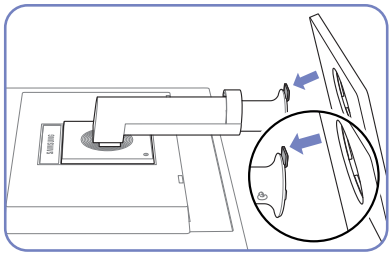

Đặt phần chân đế vào trong phần thân đế theo hướng mũi tên.

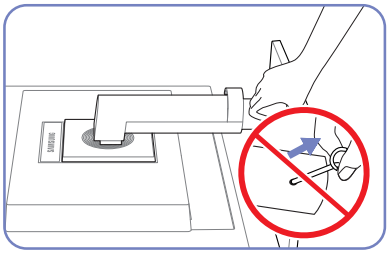

Không tháo dời chốt cố định cho tới khi bạn đã hoàn thành gắn chân đế.

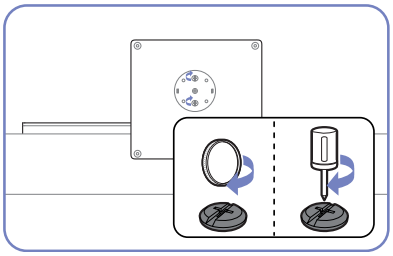

Vặn chặt đinh vít (dùng tua vít hoặc đồng xu) vào đáy của chân đế.

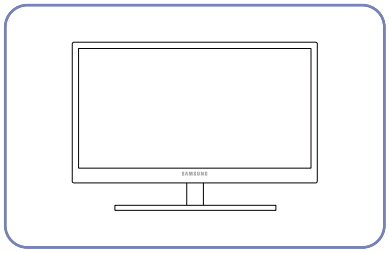

Sau khi lắp đặt chân đế, hãy đặt sản phẩm thẳng đứng.

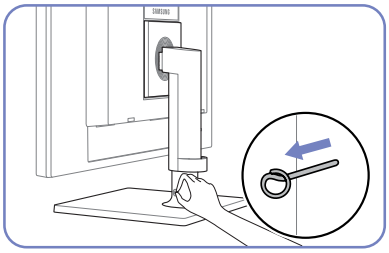

Bây giờ bạn có thể tháo chốt cố định để điều chỉnh chân đế.

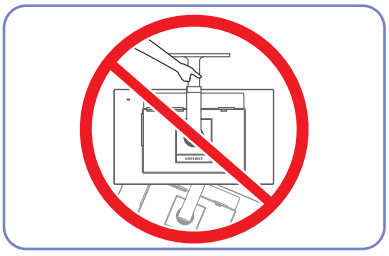

- Thận trọng

Không lộn ngược sản phẩm bằng cách chỉ nắm chân đế.

Màu sắc và hình dạng các bộ phận có thể khác so với hình trình bày. Để nâng cao chất lượng, thông số kĩ thuật có thể thay đổi mà không có thông báo.

## 1.3.2 Điều chỉnh độ nghiêng và độ cao của sản phẩm

Màu sắc và hình dạng các bộ phận có thể khác so với hình trình bày. Để nâng cao chất lượng, thông số kĩ thuật có thể thay đổi mà không có thông báo.

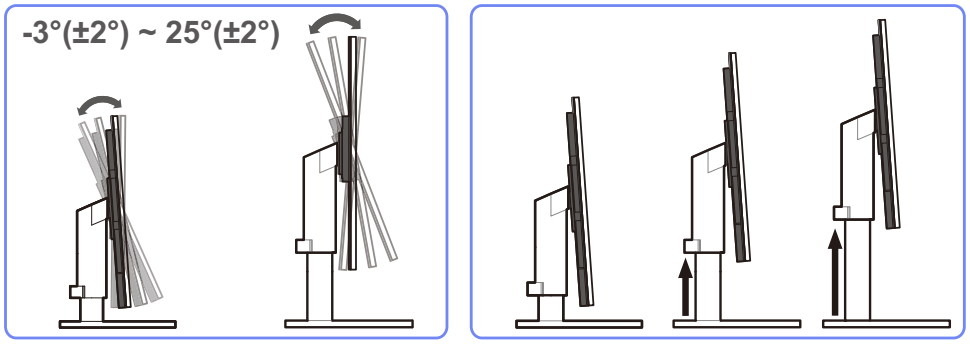


- Để điều chỉnh độ cao, gỡ bỏ chốt định vị.
- Độ nghiêng và độ cao của sản phẩm có thể được điều chỉnh.
- Giữ điểm giữa ở trên đỉnh sản phẩm và điều chỉnh độ cao cẩn thận.

## 1.3.3 Xoay màn hình

Bạn có thể xoay màn hình như hiển thị dưới đây.

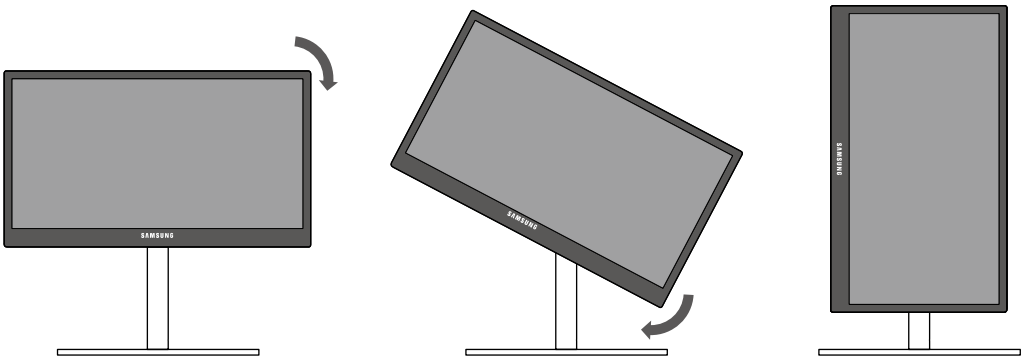

- Hãy chắc chắn nới rộng chân đế hoàn toàn trước khi xoay màn hình.
- Nếu bạn xoay màn hình mà không nới rộng chân đế hoàn toàn, góc màn hình có thể chạm xuống sàn và bị hỏng.
- Không được xoay màn ngược chiều kim đồng hồ. Màn hình có thể bị hỏng.

### 1.3.4 Lắp đặt giá treo tường/giá trên mặt bàn

Trước khi lắp đặt

Hãy tắt nguồn sản phẩm và tháo dời cáp nguồn khỏi ổ cắm.

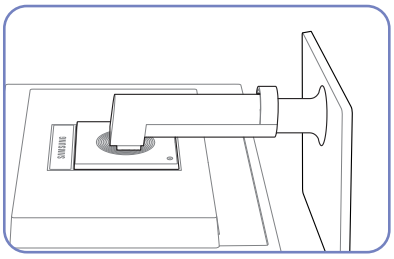

Đặt một miếng vải hoặc đệm bảo vệ trên một mặt phẳng. Tiếp theo, đặt sản phẩm quay mặt xuống phía trên của tấm vải hoặc miếng đệm.

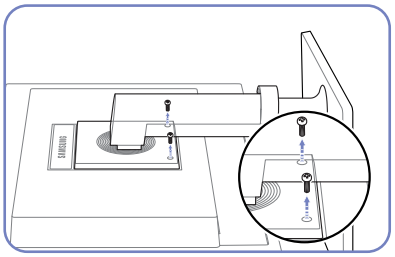

Tháo vít ở mặt sau của sản phẩm.

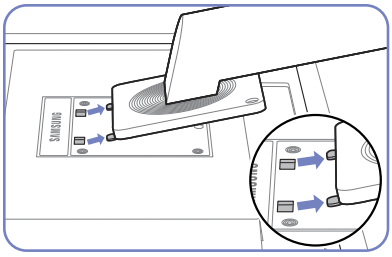

Nâng và tháo chân đế.

Lắp đặt giá treo tường/giá trên mặt bàn

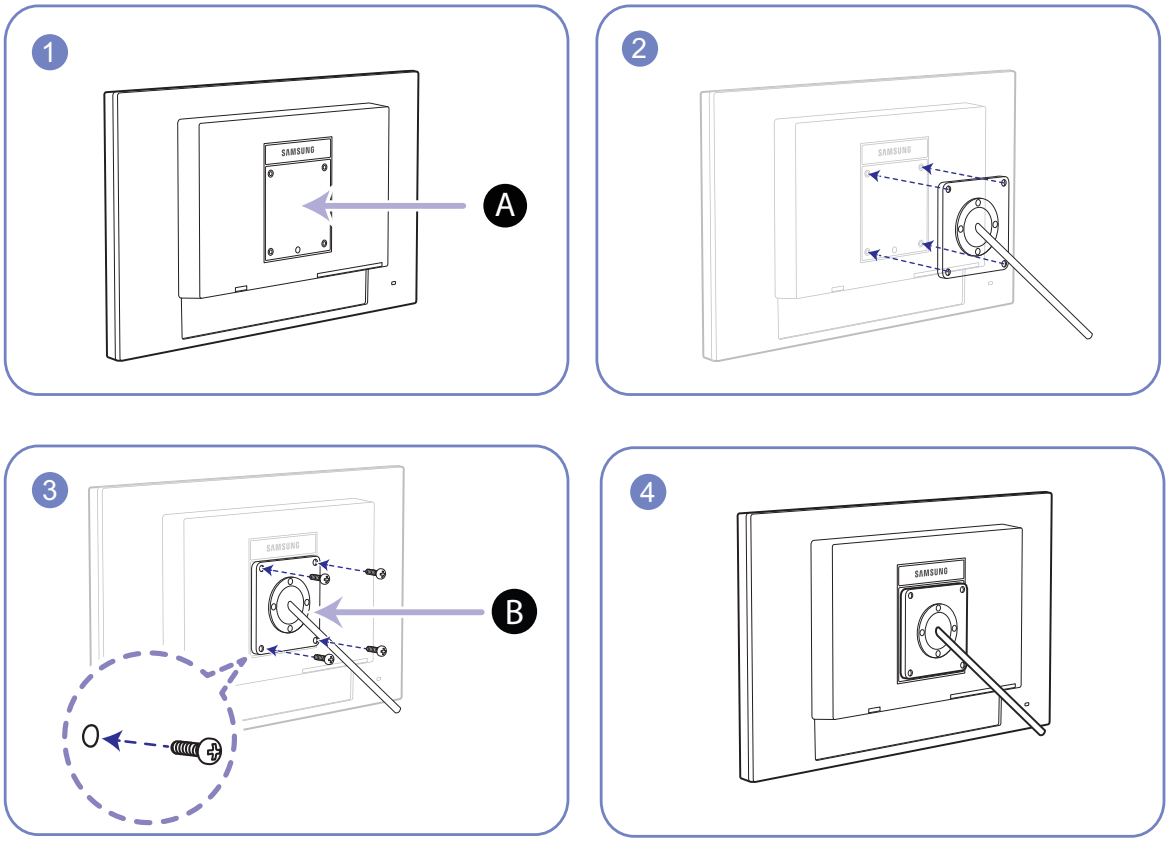


A Gắn giá treo tường/giá trên mặt bàn

B Giá (bán riêng)

Xếp thẳng rãnh và siết chặt vít trên giá của sản phẩm với những phần còn lại trên giá treo tường hoặc giá trên mặt bàn mà bạn muốn gắn.

Lưu ý

- Sử sụng vít dài hơn độ dài tiêu chuẩn có thể làm hỏng những bộ phận bên trong sản phẩm.
- Độ dài của các vít bắt buộc cho một giá treo tường không tuân theo các tiêu chuẩn VESA có thể khác nhau tùy vào các thông số.
- Không sử dụng vít không phù hợp với tiêu chuẩn VESA. Không gắn giá treo tường/giá trên mặt bàn với lực quá mạnh. Sản phẩm có thể bị hỏng hoặc rơi và gây thương tích. Samsung không chịu trách nhiệm về bất kỳ hỏng hóc hoặc thương tích nào gây ra bởi việc sử dụng vít không đúng hoặc gắn giá treo tường/giá trên mặt bàn với lực quá mạnh.
- Samsung không chịu trách nhiệm về những hỏng hóc đối với sản phẩm hoặc thương tích liên quan đến việc sử dụng giá treo tường khác giá treo tường được chỉ định hoặc do bạn tự lắp đặt giá treo tường.
- Để gắn sản phẩm lên tường, hãy đảm bảo rằng bạn mua giá treo tường có thể được gắn cách tường tối thiểu 10cm.
- Hãy đảm bảo sử dụng bộ giá treo tường tuân theo những tiêu chuẩn này.

### 1.3.5 Khóa chống trộm

Khóa chống trộm cho phép bạn sử dụng sản phẩm một cách an toàn ngay cả ở những nơi công cộng. Hình dạng thiết bị khóa và cách thức khóa tùy thuộc vào nhà sản xuất. Tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với thiết bị khóa chống trộm để biết thêm thông tin chi tiết. Thiết bị khóa được bán riêng.

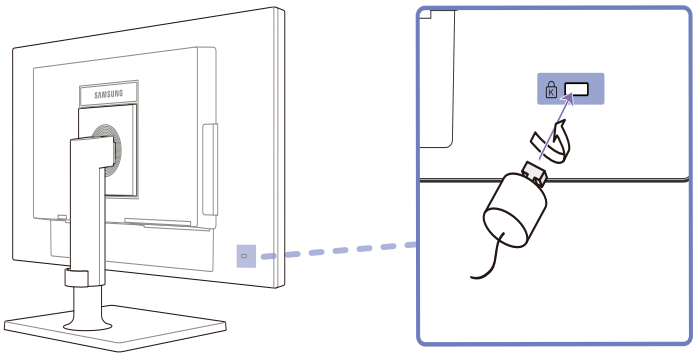

**Để khóa thiết bị khóa chống trộm:**

1. Cố định cáp của thiết bị khóa chống trộm vào một vật nặng ví dụ như bàn làm việc.
2. Luồn một đầu của cáp qua móc ở đầu kia của cáp.
3. Đặt thiết bị khóa vào bên trong khe khóa chống trộm ở phía sau sản phẩm.
4. Khóa thiết bị khóa.

- Bạn có thể mua riêng thiết bị khóa chống trộm.
- Tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với thiết bị khóa chống trộm để biết thêm thông tin chi tiết.
- Bạn có thể mua thiết bị khóa chống trộm tại các cửa hàng bán lẻ đồ điện tử hoặc mua qua mạng.

# 2 Sử dụng "Windows Embedded Standard 7"

## 2.1 Máy khách "Windows Embedded Standard 7" là gì?

Máy khách **Microsoft Windows Embedded Standard 7(WES7)** sử dụng **Microsoft Windows Embedded Standard 2011 OS**. Khi bạn kết nối máy khách WES với máy chủ ở đó có sẵn dịch vụ **Citrix XenDesktop**, **VMWare View Client** , hoặc **Microsoft Remote Desktop Connection**, dữ liệu từ bàn phím, chuột, âm thanh/hình ảnh và màn hình sẽ được chuyển tiếp đến máy khách thông qua mạng giữa máy khách và máy chủ.

**Caùc Maùy chuû coù theå Keát noái**

- Máy chủ **Citrix XenDesktop**
  - **Microsoft Windows 2000/2003/2008 Server** tại đó **Terminal Service** và **Citrix XenServer** được cài đặt
- Máy chủ **VMWare View Client**
  - **Microsoft Windows 2000/2003/2008 Server** tại đó **Terminal Service** và **VMWare Server** được cài đặt
- Moät Maùy chuû **Microsoft RDP(Remote Desktop Protocol)**
  - **Microsoft Windows 2000/2003/2008 Server** tại đó **Terminal Services** được cài đặt
  - **Microsoft Windows 7 Professional**

Tài liệu này mô tả chức năng do máy khách (Client) **WES** cung cấp. Tuy nhiên, tài liệu không giải thích các chức năng chung của **WES**. Để biết thêm thông tin chung về **Windows 7**, tham khảo Windows 7 Help (Trợ giúp Windows XP) được cung cấp bởi **Microsoft**.

- **Wake On LAN**

  Tính năng này cho phép bạn bật sản phẩm bằng cách gửi lệnh được xác định trước từ hệ thống bên ngoài đến sản phẩm thông qua mạng.

  Hãy đảm bảo rằng mạng có khả năng trao đổi dữ liệu với PC gửi lệnh đến sản phẩm. Hãy đảm bảo bạn có chương trình có thể tạo tín hiệu **Wake on LAN**.

  - Hãy đảm bảo rằng nguồn điện luôn được kết nối để đảm bảo tính năng này hoạt động khi sản phẩm bị tắt.
  - Tính năng này được dùng để bật sản phẩm. (Tính năng này không hỗ trợ chức năng tắt sản phẩm.)

  **Đặt cấu hình cài đặt**

  1. Nhấn nút nguồn trên sản phẩm để bật đèn LED nguồn. Nhấn **F2** để truy cập trang thiết lập BIOS.
  2. Đi đến **AMD** → **Platform** và đặt **Wake on LAN option** thành **Disable** hoặc **Enable**.

     (Cài đặt mặc định là **Disable**.)
  3. Nhấn **F10** để lưu thay đổi (**Save**) và chọn **Yes** tại lời nhắc để thoát khỏi phiên hiện tại.

- **Wake on USB**

  Tính năng này chuyển hệ thống sang chế độ hoạt động thông thường nếu hệ thống đang ở trong chế độ chờ sau khi không làm việc trong một khoảng thời gian nhất định. Chế độ này sẽ chuyển nếu phát hiện ra thay đổi cho đầu vào bàn phím hoặc chuột.

  Các thay đổi bao gồm nhấp nút chuột hoặc nhấn phím trên bàn phím.

  **Đặt cấu hình cài đặt**

  1 Chọn **Pa-nen Điều khiển → Hệ thống → Trình quản lý thiết bị → Chuột → Quản lý nguồn → Cho phép thiết bị này bật máy tính**.

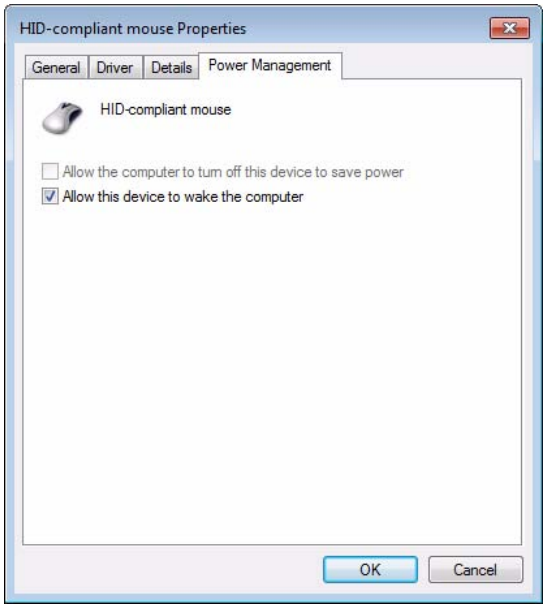


  2 Chọn **Pa-nen Điều khiển → Hệ thống → Trình quản lý thiết bị → Bàn phím → Quản lý nguồn → Cho phép thiết bị này bật máy tính**.

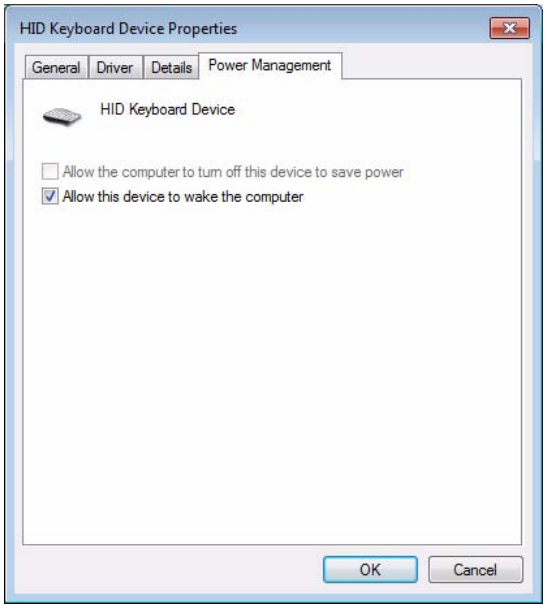

# 2.2 Kết nối để Sử dụng "Windows Embedded Standard 7"

## 2.2.1 Kết nối LAN

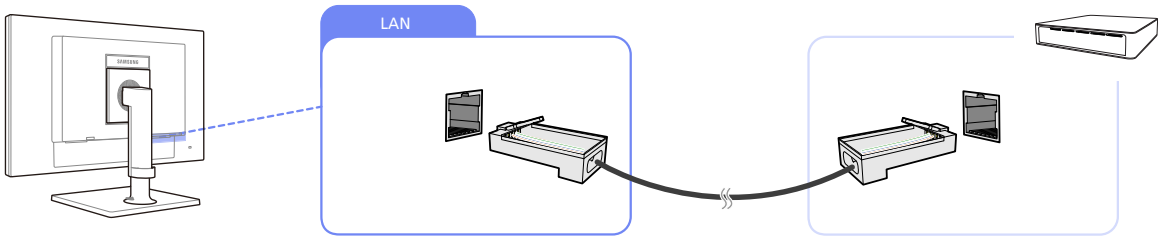


1 Kết nối cáp LAN với [LAN] ở mặt sau của sản phẩm.

- Không hỗ trợ khi tốc độ mạng dưới hoặc bằng 10Mbps.
- Sử dụng cáp Cat 5(loại *STP) để kết nối.
  STP: *Cáp Xoắn đôi có Vỏ bọc chống nhiễu

## 2.2.2 Kết nối các thiết bị USB

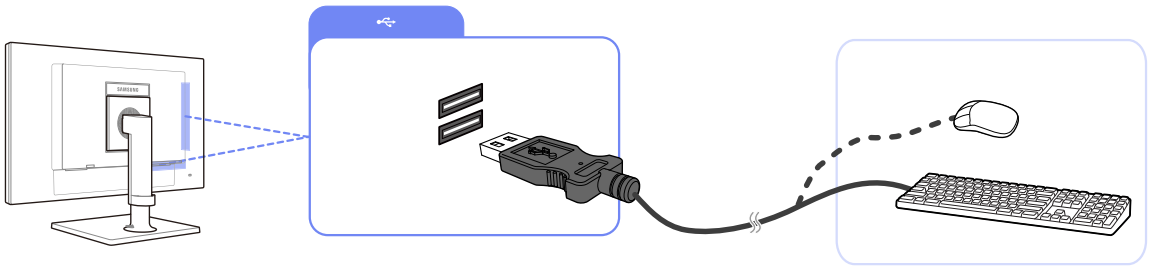

1 Kết nối thiết bị USB (bàn phím, chuột, v.v.) với [⇐] ở mặt sau của sản phẩm.

Cổng [⇐] hỗ trợ USB 2.0.

# 2.3 Sử dụng "Windows Embedded Standard 7"

## 2.3.1 Logon

Khi maùy khaùch khôûi ñoäng, baïn coù theå ñaêng nhaäp vaøo maùy chuû baèng caùch nhaäp teân ngöôøi söû duïng vaø maät khaåu cuûa baïn. Theo mặc định, bạn sẽ tự động đăng nhập bằng tài khoản **Administrator** và mật khẩu trống.

## 2.3.2 Màn hình "Windows Embedded Standard 7"

### Standard User

Khi đăng nhập với quyền **Standard User**, hệ thống sẽ được bảo vệ bằng nhiều giới hạn để tránh các thao tác sai của người dùng. Baïn khoâng theå truy caäp caùc oå ñóa cuûa heä thoáng vaø coøn coù nhöõng haïn cheá trong caùc thuoäc tính caáu hình ñoái vôùi chuùng. Để cấu hình các cài đặt cao cấp và chi tiết, đăng nhập với quyền **administrator**.

Chúng tôi khuyên bạn tạo tài khoản **Standard User** cho người dùng chung sử dụng sản phẩm này.

### Administrator

Tài khoản **Administrator** có các đặc quyền đặt cấu hình cài đặt hệ thống và cài đặt/gỡ cài đặt phần mềm. Nếu bắt buộc phải hạn chế các đặc quyền truy cập để bảo mật hoặc không cần các đặc quyền quản trị viên, bạn nên tạo các tài khoản **Standard User** cho người dùng chung.

Biểu tượng âm lượng, biểu tượng trạng thái Enhanced Write Filter (Bộ lọc ghi nâng cao), và thời gian hệ thống được hiển thị trên Thanh tác vụ **Administrator**. Cần phải có đặc quyền **Administrator** để thêm và gỡ bỏ chương trình.

### Log off, Restart, Shut down

- Để đăng xuất khỏi phiên hiện thời, tắt hoặc khởi động lại máy khách, sử dụng trình đơn **Start**. [**Start** → **Shut down**]. Hộp thoại **Shut Down** của Windows được hiển thị. Để tắt máy khách ngay lập tức, chọn [**Start** → **Shut down**]. Để chọn **Log off**, **Restart**, v.v., di chuyển chuột lên biểu tượng ▶ cạnh [**Shut down**]. Một cách khác giúp bạn thực hiện **Log off** hoặc **Shut down** là sử dụng hộp thoại Windows Security (Bảo mật Windows) bằng cách nhấn [**Ctrl** + **Alt** + **Del**]. Nếu bạn kích hoạt'**Force Auto Log on**', bạn sẽ lập tức đăng nhập trở lại sau mỗi lần đăng xuất.
- Các tính năng **Log off**, **Restart** và **Shut down** có tác dụng đối với hoạt động của EWF(Enhanced Write Filter (Bộ lọc ghi nâng cao). Ñeå giöõ caáu hình ñaõ ñöôïc thay ñoåi cuûa heä thoáng, baïn phaûi löu moät boä nhôù ñeäm cho phieân laøm vieäc hieän thôøi cuûa heä thoáng vaøo boä nhôù flash. Neáu khoâng laøm nhö vaäy seõ laøm cho caáu hình ñaõ ñöôïc thay ñoåi bò maát ñi khi maùy khaùch ñöôïc taét hay khôûi ñoäng laïi. (Trong tröôøng hôïp ñaêng thoaùt, caáu hình seõ ñöôïc ghi nhôù khi ñaêng nhaäp laïi.) Để biết thêm thông tin về **Enhanced Write Filter**, tham khảo Program Help (Trợ giúp Chương trình).

### 2.3.3 Caùc chöông trình

#### Remote Desktop Connection

Bạn có thể điều khiển từ xa một máy chủ đầu cuối đang chạy hoặc một máy tính khác (**Windows 95** hoặc phiên bản sau đó) thông qua kết nối màn hình từ xa.

- **Remote Desktop**
  - Bạn phải cài đặt **Windows 7 Professional** hoặc **Windows 2000/2003/2008** Server trên máy tính được điều khiển từ xa. Maùy tính naøy ñöôïc goïi laø moät host.
  - Moät maùy tính töø xa chaïy treân moät heä ñieàu haønh môùi hôn **Windows 95** ñöôïc yeâu caàu. Maùy tính ôû xa naøy ñöôïc goïi laø moät maùy khaùch. Phaàn meàm cho maùy khaùch ñeå coù keát noái maøn hình töø xa phaûi ñöôïc caøi treân maùy khaùch.
  - Baïn cuõng phaûi ñöôïc keát noái vôùi Internet. Moät keát noái baêng roäng vôùi Internet seõ toát cho caùc hoaït ñoäng maïnh. Tuy nhieân, vì maøn hình töø xa seõ truyeàn goùi döõ lieäu nhoû nhaát bao goàm döõ lieäu maøn hình vaø döõ lieäu baøn phím ñeå ñieàu khieån host töø xa, neân moät keát noái baêng roäng vôùi Internet seõ khoâng ñöôïc yeâu caàu. Baïn coù theå chaïy moät maøn hình töø xa treân moät keát noái Internet coù chieàu roäng baêng thoâng nhoû.

  Khi chaïy moät maøn hình töø xa treân **Windows 7 Professional**, baïn khoâng theå söû duïng heä ñieàu haønh treân maùy tính cuûa baïn.

- Laøm cho Maùy tính Cuûa baïn thaønh moät Host

  Bạn phải bật tính năng **Remote Desktop** để điều khiển màn hình từ một máy tính khác. Bạn phải đăng nhập với quyền **Administrator** hoặc thành viên của **Administrators group** để bật **Remote Desktop** trên máy tính của bạn. Laøm theo caùc böôùc sau:

  1. Mở thư mục **System** trong **Control Panel**.
  2. Vào [**Start** → **Control Panel** → **System and Security** → **System**], và nhấp **Remote settings**.
  3. Nếu bạn muốn chặn không cho các máy tính khác truy cập vào máy tính của bạn bằng cách sử dụng **Remote Desktop** hoặc **RemoteApp**, chọn “**Don't allow connections to this computer.**”

  - Để cho phép một máy tính từ xa truy cập vào máy tính của bạn bằng bất kì phiên bản nào của **Remote Desktop** hoặc **RemoteApp**, chọn "**AAllow connections from computers running any version of Remote Desktop (less secure).**" Tùy chọn này phù hợp nếu bạn không biết phiên bản **Remote Desktop Connection** đang được sử dụng trên các máy tính khác. Chú ý là tùy chọn này ít an toàn hơn tùy chọn tiếp theo (tùy chọn 3).
  - Để cho phép một máy tính từ xa truy cập vào máy tính của bạn bằng cách sử dụng một phiên bản yêu cầu xác thực cấp độ mạng của **Remote Desktop** hoặc **RemoteApp**, chọn "**Allow**

**connections only from computers running Remote Desktop with Network Level Authentication (more secure)**" để chạy **Remote Desktop** có sử dụng xác thực cấp độ mạng.

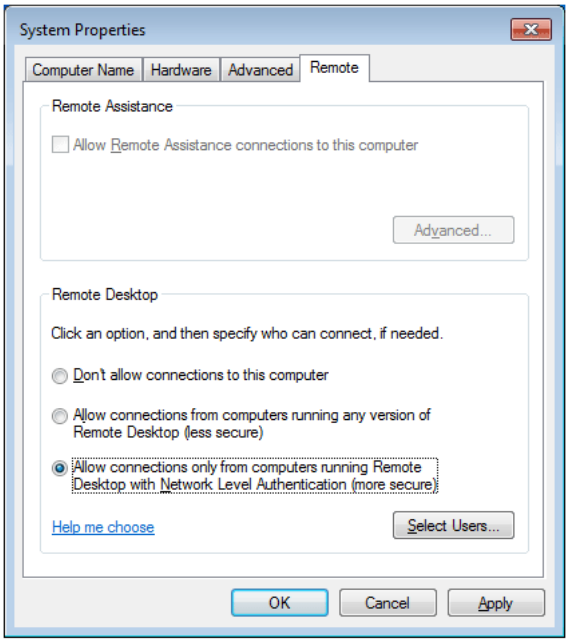


- Khôûi ñoäng moät Phieân laøm vieäc cuûa Maøn hình Töø xa trong Maùy khaùch

  Khi bạn đã bật máy chủ để cho phép thực hiện kết nối từ xa và cài đặt phần mềm máy khách vào máy tính khách dựa trên Windows, bạn đã sẵn sàng khởi động phiên **Remote Desktop**.

  Ñaàu tieân baïn phaûi xaùc laäp moät keát noái maïng rieâng aûo hay moät keát noái dòch vuï truy caäp töø xa töø maùy khaùch cuûa baïn ñeán maùy host cuûa baïn. Để kết nối với màn hình từ xa khác, làm theo hướng dẫn dưới đây.

  1 Vào [**Start** → **All Programs** → **Accessories** → **Remote Desktop Connection**] hoặc nhấp đúp biểu tượng **Remote Desktop Connection** để mở **Remote Desktop Connection**.

  2 Nhaäp teân cuûa maùy tính host. Bạn có thể cấu hình cài đặt chi tiết bằng cách nhấp nút **Options**.

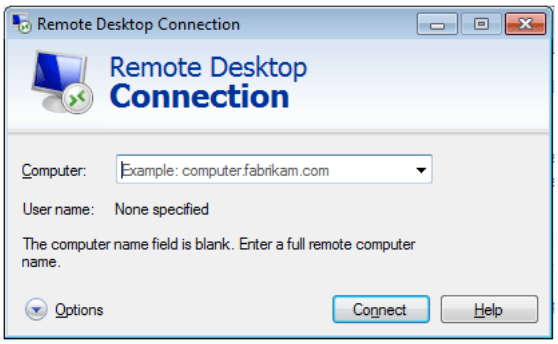

### 3 Options

- **General** : Nhập thông tin đăng nhập vào cho máy chủ. Để đăng nhập tự động, nhập tên và mật khẩu người dùng.

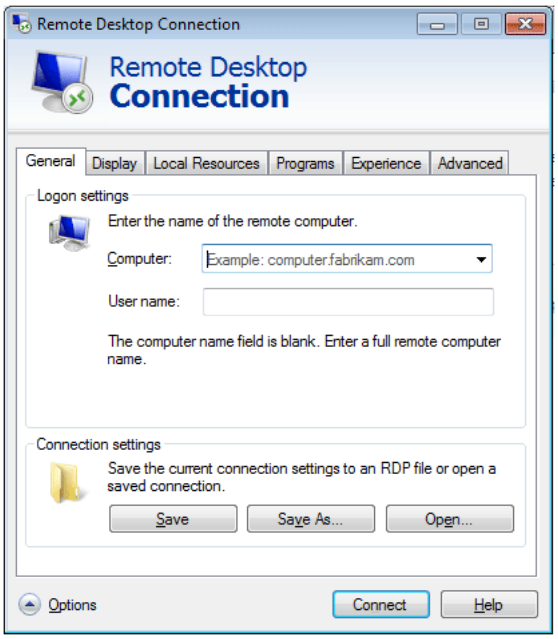


- **Display** : **Remote Desktop Connection** gửi và nhận dữ liệu màn hình đã nén. Neáu baïn caøi ñaët chaát löôïng ñoà phaân giaûi vaø maøu saéc ôû cheá ñoä cao, toác ñoä coù theå chaäm laïi.

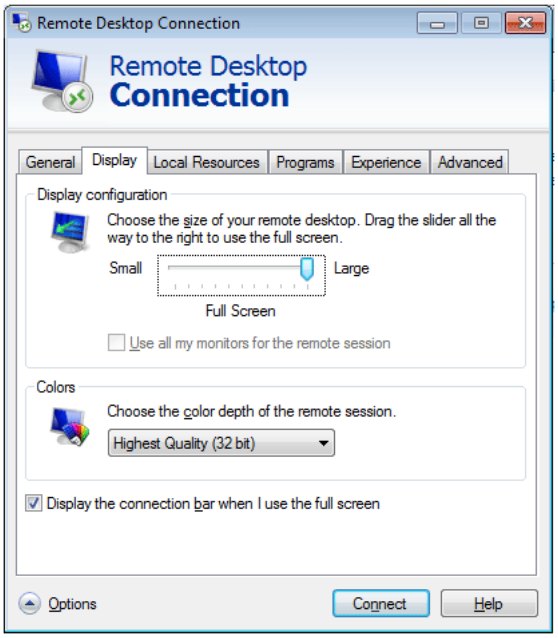


- **Local Resources** : Chæ roõ laø coù söû duïng caùc oå ñóa cöùng vaø caùc coång hay khoâng.

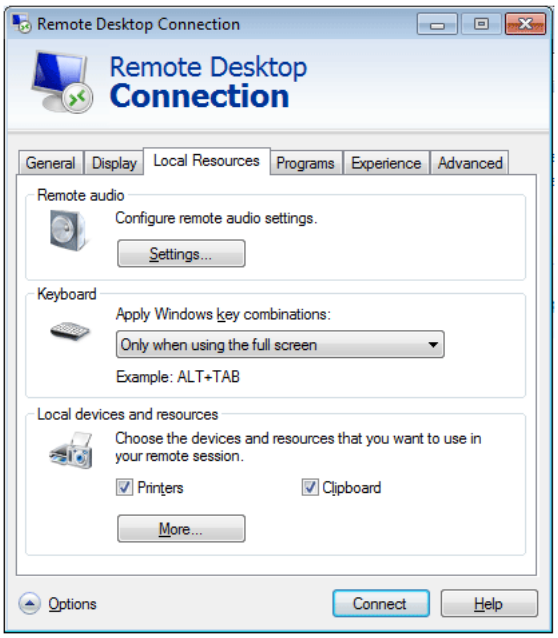


- **Programs** : Chọn một ứng dụng và chỉ định thư mục nơi bạn muốn chạy ứng dụng khi kết nối được thiết lập với máy tính chủ.

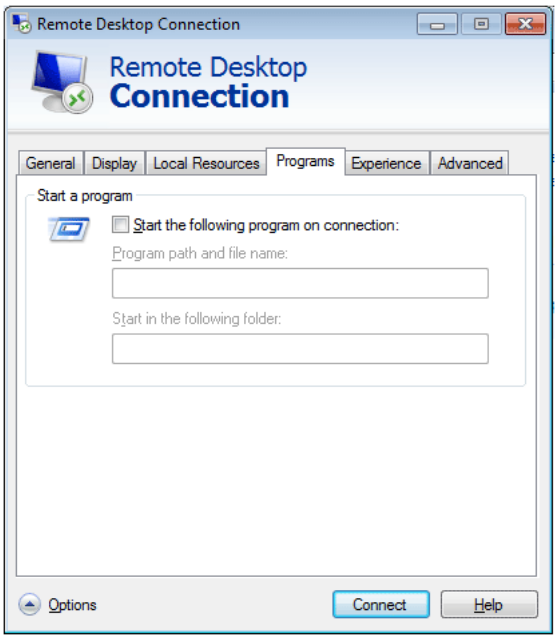


- **Experience** (Kinh nghieäm): Chỉ định tốc độ kết nối và các mục trong trình đơn bạn muốn sử dụng trên máy tính từ xa đã được kết nối. Các cài đặt đã chỉ định sẽ được chia sẻ với máy tính chủ.

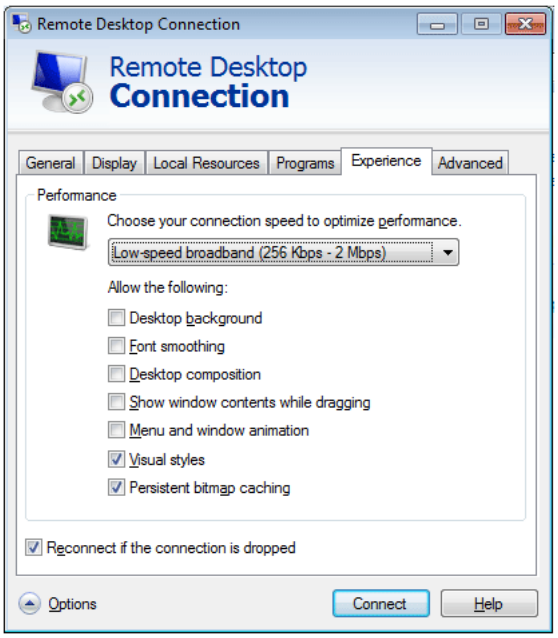


- **Advanced** : Bảo vệ thông tin cá nhân của bạn khi kết nối được thiết lập.

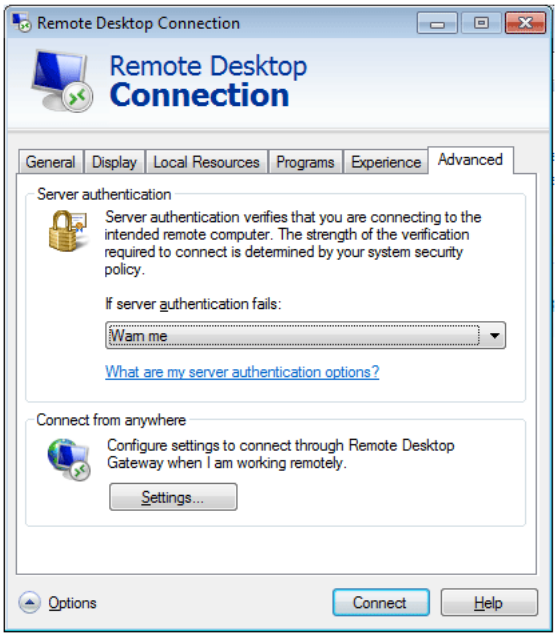


4 Nhấp **Connect**. Hoäp thoaïi Log On to Windows seõ xuaát hieän.

5 Trong hộp thoại “Log On to Windows (Đăng nhập vào Windows)”, gõ tên người dùng, mật khẩu và vùng (nếu cần) của bạn, rồi nhấp **OK**. Cửa sổ **Remote Desktop** sẽ mở ra và bạn sẽ nhìn thấy các cài đặt màn hình, các tệp tin, và các chương trình có trên máy tính chủ.

Để biết thêm thông tin về **Remote Desktop Connections**, vào trang web **Microsoft**.

## Internet Explorer

Một máy khách (Client) **WES** bao gồm **Internet Explorer**. Chöông trình naøy cho pheùp ñoái vôùi moïi ngöôøi söû duïng. Trang web **Microsoft**.

Ñeå coù theâm thoâng tin veà Internet Explorer, haõy truy caäp vaøo trang web cuûa Microsoft.

## Enhanced Write Filter (EWF)

**Enhanced Write Filter (EWF)** baûo veä boä nhôù flash khoâng bò ghi vaøo vaø baûo toàn ñoä beàn cuûa thieát bò flash. **EWF** cung caáp ñöôøng daãn ñoïc vaø ghi thoâng qua moät boä nhôù ñeäm ñeán maùy khaùch thay vì cho pheùp truy caäp tröïc tieáp vaøo boä nhôù flash.

Khi **EWF** được kích hoạt, dữ liệu sẽ không được lưu trong bộ nhớ flash. Döõ lieäu löu trong boä nhôù ñeäm chæ coù hieäu löïc khi maùy khaùch ñang hoaït ñoäng. Döõ lieäu trong boä nhôù ñeäm seõ bò maát ñi khi khôûi ñoäng laïi hay taét maùy khaùch cuûa baïn. Vì vaäy, ñeå caát döõ lieäu ñaõ ñöôïc ghi vaøo caùc thö muïc registry, favorites vaø cookie… thì noäi dung trong boä nhôù ñeäm neân ñöôïc chuyeån ñeán boä nhôù flash. Moät thoâng baùo loãi seõ xuaát hieän khi khoâng theå ghi vaøo boä nhôù ñeäm do boä nhôù khoâng ñuû lôùn. Neáu thoâng baùo naøy ñöôïc hieån thò, baïn phaûi taét **EWF** ñeå giaûi phoùng boä nhôù ñeäm **EWF**. Ngöôøi söû duïng coù theå nhaáp keùp vaøo bieåu töôïng **EWF** treân khay ôû goùc döôùi beân phaûi cuûa maøn hình ñeå goïi trình **EWF** Manager. Ngöôøi söû duïng cuõng coù theå thay ñoåi caáu hình **EWF** baèng caùch nhaäp caùc leänh quaûn lyù **EWF** ôû daáu nhaéc leänh. Tác vụ này yêu cầu phải có đặc quyền **Administrator**.

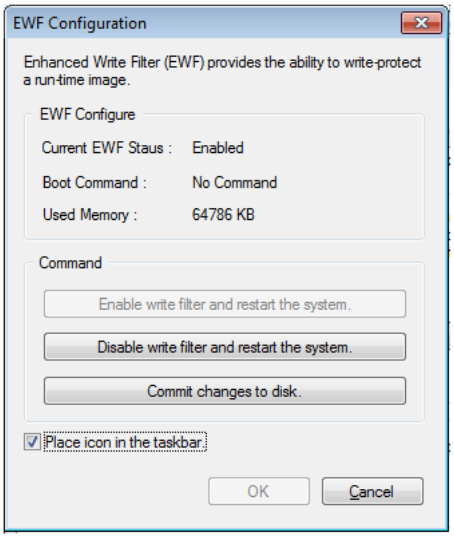
EWF Configuration
Enhanced Write Filter (EWF) provides the ability to write-protect a run-time image.
EWF Configure
Current EWF Staus : Enabled
Boot Command : No Command
Used Memory : 64786 KB
Command
Enable write filter and restart the system.
Disable write filter and restart the system.
Commit changes to disk.
Place icon in the taskbar
OK
Cancel

- **Enable write filter and restart the system.**

  Neáu **EWF** ñaõ ñöôïc taét, kích hoaït noù. Neáu muïc naøy ñöôïc choïn, boä nhôù ñeäm seõ ñöôïc giaûi phoùng vaø **EWF** seõ ñöôïc kích hoaït. Sau khi khôûi ñoäng laïi maùy tính cuûa baïn, caùc caáu hình vaø caùc taäp tin thoâng tin heä thoáng cuûa maùy khaùch seõ ñöôïc ghi vaøo boä nhôù ñeäm. Baïn cuõng coù theå thöïc hieän hoaït ñoäng naøy baèng caùch nhaäp doøng leänh “**ewfmgr.exe c: -enable**” ôû daáu nhaéc leänh vaø khôûi ñoäng laïi maùy tính cuûa baïn.

- **Disable write filter and restart the systems.**

  Muïc naøy seõ ñöôïc kích hoaït khi **EWF** ñang chaïy. Neáu muïc naøy ñöôïc choïn, caùc traïng thaùi hieän thôøi cuûa maùy khaùch (ñaõ ñöôïc löu trong boä nhôù ñeäm) seõ ñöôïc löu trong boä nhôù flash vaø **EWF** ñöôïc taét. Sau khi khôûi ñoäng laïi maùy tính cuûa baïn, caùc caáu hình vaø caùc taäp tin thoâng tin heä thoáng cuûa maùy khaùch seõ ñöôïc ghi vaøo moät boä nhôù flash. Baïn cuõng coù theå thöïc hieän hoaït ñoäng naøy baèng caùch nhaäp doøng leänh "**ewfmgr.exe c: -commitanddisable**" ôû daáu nhaéc leänh vaø khôûi ñoäng laïi maùy tính cuûa baïn.

- **Commit changes to disk.**

  Muïc naøy seõ ñöôïc kích hoaït khi **EWF** ñang chaïy. Neáu muïc naøy ñöôïc choïn, caùc traïng thaùi hieän thôøi cuûa maùy khaùch (ñaõ ñöôïc löu trong boä nhôù ñeäm) seõ ñöôïc löu trong boä nhôù flash. Tuy nhieân, traïng thaùi cuûa **EWF** seõ khoâng ñöôïc thay ñoåi. Baïn cuõng coù theå thöïc hieän hoaït ñoäng naøy baèng caùch nhaäp doøng leänh "**ewfmgr.exe c: -commit**" taïi daáu nhaéc leänh.

  Baïn coù theå xem caùc caáu hình cuûa caùc boä nhôù ñöôïc baûo veä baèng caùch nhaäp "**ewfmgr.exe c:**" taïi daáu nhaéc leänh.

## File-Based Write Filter (FBWF)

**File-Based Write Filter (FBWF)** bảo vệ bộ nhớ của máy khách không bị người sử dụng trái phép ghi đè lên. Bằng cách hạn chế việc ghi quá nhiều vào bộ nhớ, **FBWF** cho phép bạn sử dụng máy khách (client) lâu hơn. Khi yêu cầu tác vụ I/O, **FBWF** sẽ để máy khách (client) thực thi các tiến trình này trên bộ đệm thay vì trên bộ nhớ, nhờ vậy mà bộ nhớ được bảo vệ.

Dữ liệu đã lưu trong bộ đệm được bảo toàn trong khi máy khách (client) hoạt động. Và được xóa đi khi nó khởi động lại hoặc thoát. Để lưu các thay đổi, bạn nên ghi tập tin liên quan lên đĩa bằng lệnh commit. Nếu bạn không biết tập tin nào đã bị thay đổi, hãy tắt(disable) chức năng **FBWF**, và bật lại (enable) sau khi đã thay đổi.

Bạn có thể kiểm soát **FBWF** bằng nhiều tùy chọn khác nhau của lệnh này tại dấu nhắc lệnh.

- **FBWF Configuration**
  - **Current FBWF status** : Hiển thị trạng thái hiện hành của **FBWF** (**Enabled** hoặc **Disabled**).
  - **Boot command** : Hiển thị lệnh **FBWF** sẽ được thực thi trong lần khởi động tiếp theo.
  - **RAM Used by FBEF** : Hiển thị dung lượng bộ nhớ RAM đang được **FBWF** sử dụng. Nếu trạng thái hiện hành được đặt về "**Disabled**", bộ nhớ được sử dụng được hiển thị là 0 KB.
  - **Threshold** : Hiển thị dung lượng bộ nhớ RAM tối đa mà **FBWF** có thể sử dụng.
- **FBWF Command**
  - **Enable FBWF and reboot the system** : Để bật **FBWF** đã tắt và khởi động máy khách (client). Nếu máy khách (client) không khởi động được, thì chỉ có lệnh boot được chuyển thành BWF_ENABLE và trạng thái hiện hành không bị thay đổi.

- **Disable FBWF and reboot the system** : Để tắt **FBWF** đã bật và khởi động máy khách (client). Nếu máy khách (client) không khởi động được, thí chỉ có lệnh boot được chuyển thành FBWF_DISABLE và trạng thái hiện hành không bị thay đổi.
- **Commit files** : Ngay cả khi đĩa đã được bảo vệ bởi **FBWF**, bạn vẫn có thể thêm hoặc xóa các tập tin mà bạn muốn lưu lên đĩa. Để ghi các thay đổi lên ổ đĩa, nhấp nút [**Write the changes to the disk**].

- **Session Status**
  - **Current session** : Hiển thị các ổ đĩa được bảo vệ bởi **FBWF** và danh sách các tập tin và thư mục trên các ổ đĩa được bảo vệ bởi **FBWF**.
  - **Next session** : Chọn các ổ đĩa sẽ được bảo vệ bởi **FBWF** trong lần khởi động kế tiếp của máy khách (client). Tương tự, chọn các tập tin và thư mục mà bạn muốn được bảo vệ bởi **FBWF**.

#### Windows Media Player

Máy khách (Client) **WES** bao gồm **Windows Media Player 12**. Vôùi **Windows Media Player**, baïn coù theå chôi caùc taäp tin aâm thanh vaø video treân moät trang web.

### 2.3.4 Caáu hình Caùc Tieän ích

#### Local Drive

- OÅ ñóa C

  OÅ ñóa C ñöôïc söû duïng cho heä thoáng. Hệ điều hành máy khách sẽ không hoạt động nếu không có đủ chỗ trống trên ổ hệ thống. Đảm bảo là có đủ chỗ trống trên ổ C. **EWF** coù theå giuùp duy trì boä nhôù troáng baèng caùch ngaên khoâng cho ghi tröïc tieáp vaøo oå ñóa C.

- Löu Caùc Taäp tin

  Maùy khaùch cuûa baïn seõ söû duïng moät kích thöôùc coá ñònh cuûa boä nhôù flash. Vì vaäy, neân löu caùc taäp tin vaøo maùy chuû hôn laø löu vaøo maùy khaùch cuûa baïn.

#### AÙnh xaï OÅ ñóa Maïng

**Administrator** có thể tạo ánh xạ từ một thư mục đến một ổ đĩa mạng. Ñeå giöõ ñöôïc thoâng tin aùnh xaï khi khôûi ñoäng laïi maùy khaùch, haõy ghi chuù nhöõng chæ daãn sau moät caùch caån thaän.

- Chọn **Reconnect** ở hộp chọn đăng nhập trong hộp thoại **Map Network Drive**.
- Nếu bật **EWF** hoặc **FBWF**, các thay đổi sẽ được lưu lên đĩa.

### 2.3.5 Khoâi phuïc laïi Heä thoáng

#### Toảng quan

Máy khách **WES** cung cấp tính năng khôi phục hệ thống về các cài đặt xuất xưởng mặc định hoặc sao lưu lần cuối khi xảy ra sự cố hệ thống nghiêm trọng trong suốt quá trình hoạt động. Baïn coù theå löu döï phoøng moät baûn sao cuûa Heä ñieàu haønh vaøo boä nhôù USB hay maùy chuû PXE. Baïn coù theå trôû laïi moät baûn sao ñaõ ñöôïc löu döï phoøng khi maùy khaùch cuûa baïn coù moät trong nhöõng truïc traëc sau:

- Khi moät taäp tin heä thoáng bò xoùa khoâng coù chuû ñích hay bò loãi
- Khi maùy khaùch khoâng oån ñònh hay coù truïc traëc vôùi moät trình ñieàu khieån thieát bò
- Khi xaûy ra vaán ñeà, sau khi caøi ñaët moät chöông trình hay thieát môùi
- Khi maùy khaùch bò nhieãm virus.
- Khi **Windows Embedded Standard** không thể khởi động được khi tập tin hệ thống bị vô ý xóa nhầm hoặc bị lỗi.

#### Caùch Khoâi phuïc laïi Heä thoáng

- Khoâi phuïc laïi Baèng caùch Söû duïng Boä nhôù USB

  Baèng caùch laøm theo nhöõng böôùc naøy, baïn coù theå löu taát caû caùc taäp tin caàn thieát vaøo boä nhôù USB, vaø khôûi ñoäng heä thoáng vôùi caùc taäp tin heä thoáng ñaõ ñöôïc löu döï phoøng trong boä nhôù USB vaø khoâi phuïc laïi heä thoáng.

  1. Định dạng thiết bị bộ nhớ USB để giúp cho hệ thống khởi động.
  2. Löu baûn sao cuûa **Windows Embedded Standard** vaø Caùc Tieän ích Löu döï phoøng/Khoâi phuïc laïi laø nhöõng döõ lieäu seõ ñöôïc khoâi phuïc laïi vaøo boä nhôù USB sau ñoù.
  3. Khôûi ñoäng heä thoáng vôùi boä nhôù USB.
  4. Khoâi phuïc laïi heä thoáng baèng caùch söû duïng baûn sao cuûa **Windows Embedded Standard** vaø Caùc Tieän ích Löu döï phoøng/Khoâi phuïc laïi trong boä nhôù USB.

- Khoâi phuïc laïi Baèng caùch Söû duïng Network Booting

  Phương pháp này được cung cấp thông qua máy chủ **PXE (Preboot eXecution Environment)** . Maùy chuû **PXE** cung caáp moät giao dieän maùy khaùch/maùy chuû döïa treân **TCP/IP**, **DHCP** vaø **TFTP**. Noù cho pheùp moät nhaø quaûn trò töø moät vò trí xa coù theå caáu hình vaø khôûi ñoäng heä ñieàu haønh treân moät maùy khaùch thoâng qua moät maïng.

  - Triển khai máy chủ **PXE**.
  - Löu baûn sao cuûa **Windows Embedded Standard** vaø Caùc Tieän ích Löu döï phoøng/Khoâi phuïc laïi laø nhöõng döõ lieäu seõ ñöôïc khoâi phuïc laïi vaøo maùy chuû **PXE**.
  - Khôûi ñoäng heä thoáng cuûa maùy khaùch thoâng qua maïng.

- Khoâi phuïc laïi heä thoáng baèng caùch söû duïng baûn sao cuûa **Windows Embedded Standard** vaø Caùc Tieän ích Löu döï phoøng/Khoâi phuïc laïi ñaõ ñöôïc löu trong maùy chuû **PXE** thoâng qua maïng.

Ñeå bieát theâm thoâng tin, tham khaûo Taøi lieäu Höôùng daãn Söû duïng Maùy chuû **PXE**.

- Sử dụng giải pháp khôi phục Độc lập

Khôi phục hệ thống bằng cách sử dụng ảnh khôi phục được lưu trên sản phẩm.

1. Sau khi kết nối nguồn, nhấn phím **Home** ngay sau khi hệ thống khởi động trong suốt quá trình khởi động để truy cập menu khởi động.
2. Chọn menu **Recovery Mode** và nhấn phím **P** để nhập "**admin**" là mật khẩu.
3. Chạy menu **Recovery Mode** bằng cách nhấn phím **Enter**.
4. Nếu **PROMPT** "**root@xxxxx:/#**" xuất hiện, nhập "**recovery**" để khôi phục hệ thống.
5. Nếu **PROMPT** xuất hiện sau khi có thông báo rằng hệ thống được khôi phục thành công, chạy lệnh **reboot** để khởi động lại hệ thống.

ĐĨA được đặt cấu hình như sau. Xóa hoặc thay đổi các phân vùng có thể làm tắt khởi động hoặc giải pháp khôi phục **Standalone**.

| BOOT_AGENT | WES7 | BACKUP |
|---|---|---|
| Tên ổ không được xác định | C: | Tên ổ không được xác định |

Dữ liệu được người dùng lưu và các cài đặt đã tùy chỉnh bị xóa sau khi khôi phục hệ thống.

# 3 Kết nối và Sử dụng Thiết bị nguồn

## 3.1 Before Connecting

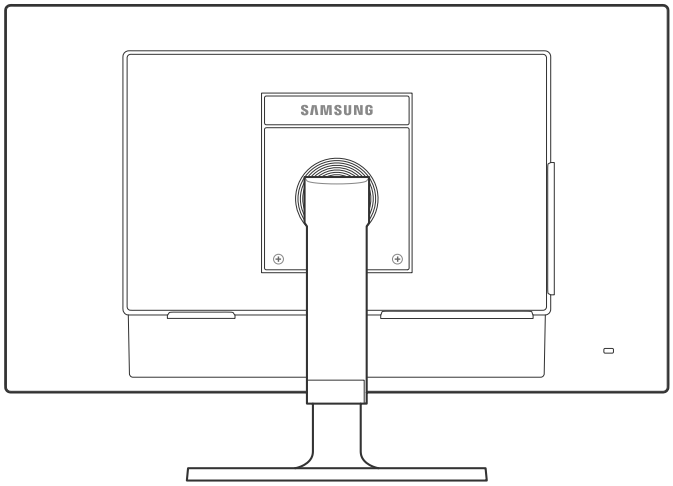


### 3.1.1 Những điểm cần kiểm tra trước khi kết nối

- Trước khi kết nối một thiết bị nguồn, hãy đọc kỹ sổ tay hướng dẫn sử dụng được cung cấp kèm theo sản phẩm.

  Số lượng và vị trí của các cổng trên thiết bị nguồn có thể khác nhau ở những thiết bị khác nhau.
- Không kết nối cáp nguồn cho tới khi hoàn thành toàn bộ các kết nối.

  Kết nối cáp trong khi đang kết nối có thể làm hỏng sản phẩm.
- Kiểm tra loại của các cổng ở phía sau sản phẩm bạn muốn kết nối.

# 3.2 Kết nối và sử dụng PC

## 3.2.1 Kết nối với máy tính

- Không kết nối cáp nguồn trước khi kết nối tất cả các cáp khác.
  Đảm bảo bạn kết nối thiết bị nguồn trước tiên trước khi kết nối cáp nguồn.

Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.

### Kết nối bằng cáp D-SUB (Loại analog)

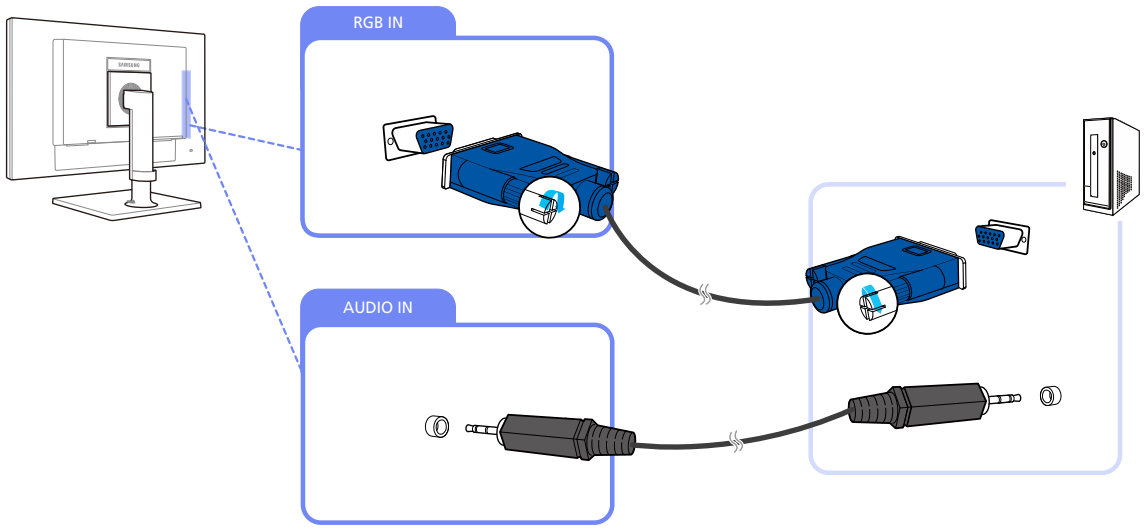


1. Kết nối cáp D-SUB với cổng [RGB IN] trên mặt sau của sản phẩm và cổng [RGB OUT] trên máy tính.
2. Kết nối cáp đầu ra âm thanh với cổng [AUDIO IN] trên sản phẩm và cổng đầu ra âm thanh trên máy tính.
3. Cắm dây nguồn từ sản phẩm vào ổ điện. Bật công tắc nguồn trên máy tính.
   (Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo "3.3.5 Kết nối Nguồn".)
4. Nhấn [⮌/⏎] để thay đổi nguồn vào thành **Analog**.

### 3.2.2 Cài đặt trình điều khiển

- Bạn có thể đặt độ phân giải và tần số tối ưu cho sản phẩm này bằng cách cài đặt các trình điều khiển tương tương cho sản phẩm.
- Trình điều khiển cài đặt được đóng gói trong CD cung cấp kèm theo sản phẩm này.
- Nếu tập tin được cung cấp bị lỗi, hãy truy cập trang chủ Samsung (http://www.samsung.com) và tải tập tin xuống.

1 Đưa đĩa CD sổ tay hướng dẫn sử dụng được cung cấp kèm theo sản phẩm vào ổ đĩa CD-ROM.

2 Nhấp vào "Windows Driver".

3 Hãy làm theo hướng dẫn trên màn hình để tiến hành cài đặt.

4 Chọn mẫu sản phẩm của bạn từ danh sách mẫu.

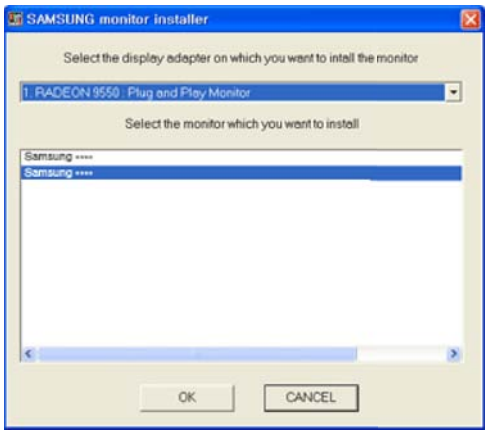
SAMSUNG monitor installer
Select the display adapter on which you want to intall the monitor
1. RADEON 9550 : Plug and Play Monitor
Select the monitor which you want to install
Samsung ****
Samsung ****
OK
CANCEL

5 Hãy đi đến Display Properties (Thuộc tính Màn hình) và kiểm tra độ phân giải và tỷ lệ làm tươi là phù hợp.

Hãy tham khảo sổ tay hướng dẫn về Hệ điều hành Windows để biết thêm chi tiết.

### 3.2.3 Thiết lập độ phân giải tối ưu

Một thông báo thông tin về việc thiết lập độ phân giải tối ưu sẽ xuất hiện nếu bạn bật nguồn sản phẩm lần đầu tiên sau khi mua.

Chọn ngôn ngữ và thay đổi độ phân giải thành giá trị tối ưu.

TC191W

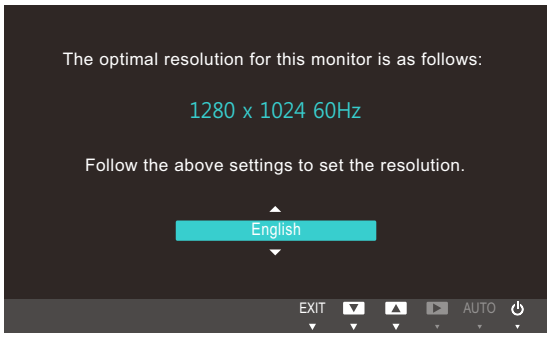
The optimal resolution for this monitor is as follows:
1280 x 1024 60Hz
Follow the above settings to set the resolution.
English
EXIT
AUTO

TC241W

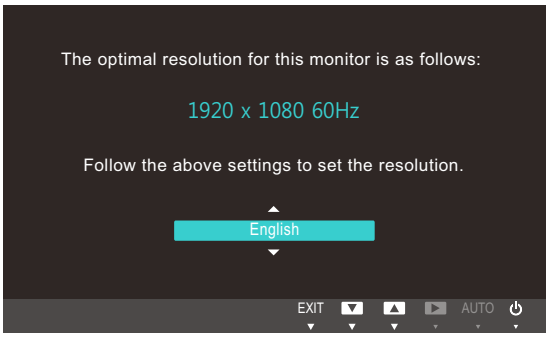
The optimal resolution for this monitor is as follows:
1920 x 1080 60Hz
Follow the above settings to set the resolution.
English
EXIT
AUTO

1 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến ngôn ngữ bạn muốn và nhấn [MENU].

2 Để ẩn thông báo thông tin, hãy nhấn [MENU].

- Nếu độ phân giải tối ưu không được chọn, thông báo này sẽ xuất hiện tối đa ba lần trong khoảng thời gian chỉ định ngay cả khi tắt và bật lại sản phẩm.
- Bạn cũng có thể chọn độ phân giải tối ưu trong **Pa-nen điều khiển** trên máy tính.

### 3.2.4 Thay đổi độ phân giải bằng máy tính

- Điều chỉnh độ phân giải và tỷ lệ làm tươi trong Control Panel (Bảng điều khiển) trên PC để thu được chất lượng hình ảnh tối ưu.
- Chất lượng hình ảnh của TFT-LCD có thể suy giảm nếu không chọn độ phân giải tối ưu.

Thay đổi độ phân giải trên WIndows XP

Đi tới **Pa-nen điều khiển** → **Màn hình** → **Thiết đặt** và thay đổi độ phân giải.

1

2

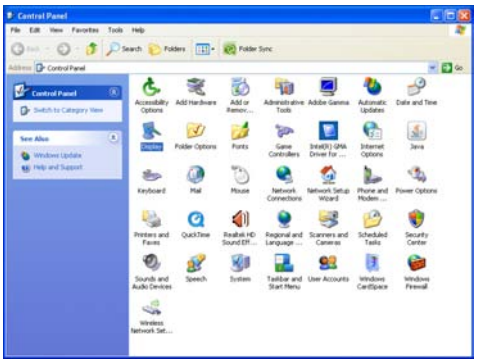


3

Thay đổi độ phân giải trên Windows Vista

Đi tới **Pa-nen điều khiển** → **Cá nhân hóa** → **Thiết đặt màn hình** và thay đổi độ phân giải.

1

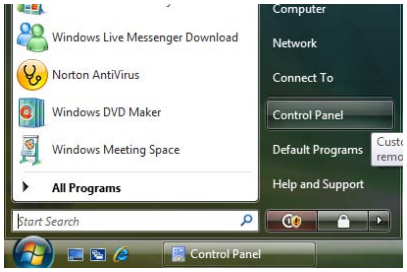


2

3

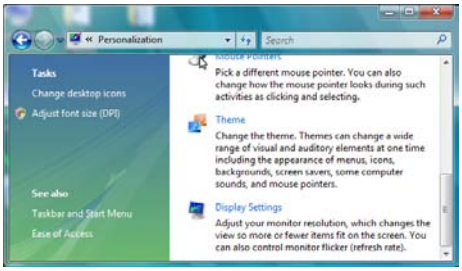
Personalization
Search
Tasks
Change desktop icons
Adjust font size (DPI)
Pick a different mouse pointer. You can also change how the mouse pointer looks during such activities as clicking and selecting.
Theme
Change the theme. Themes can change a wide range of visual and auditory elements at one time including the appearance of menus, icons, backgrounds, screen savers, some computer sounds, and mouse pointers.
Display Settings
Adjust your monitor resolution, which changes the view so more or fewer items fit on the screen. You can also control monitor flicker (refresh rate).
See also
Taskbar and Start Menu
Ease of Access

4

Thay đổi độ phân giải trên Windows 7

Đi tới **Pa-nen điều khiển** → **Màn hình** → **Độ phân giải màn hình** và thay đổi độ phân giải.

1

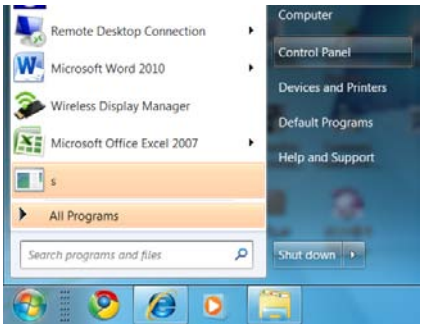


2

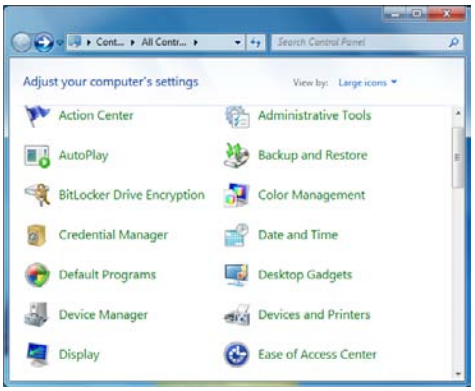


3

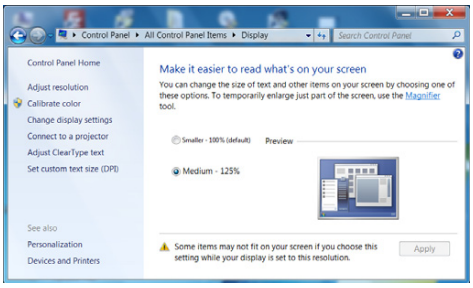


4

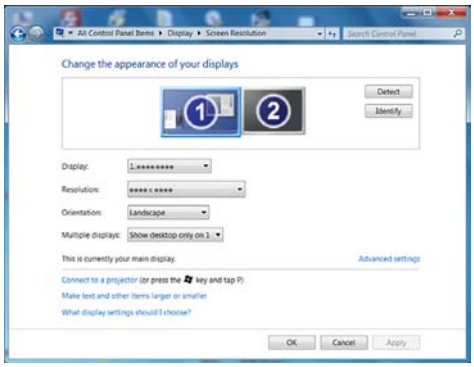

# 3.3 Kết nối với thiết bị video

## 3.3.1 Kết nối với Màn hình Đôi

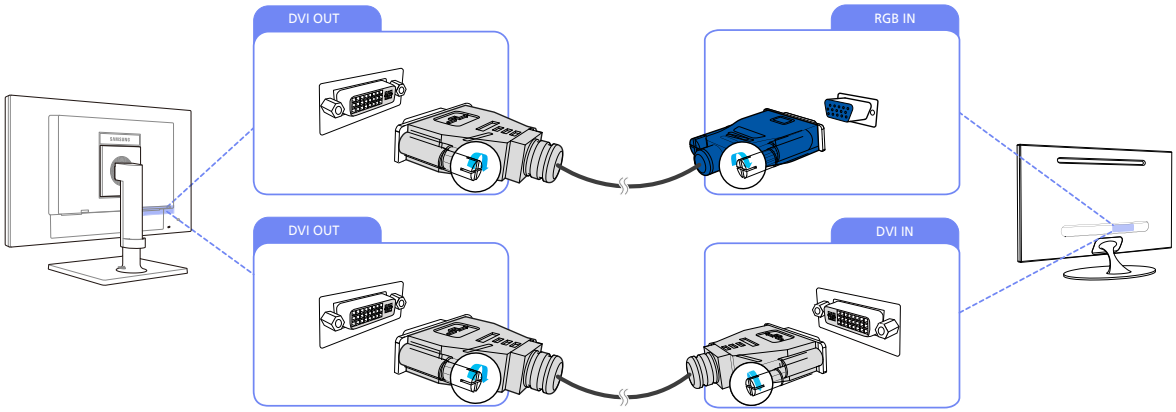


1 Kết nối [DVI OUT] trên sản phẩm với [DVI IN] hoặc [RGB IN] trên màn hình khác bằng cáp DVI hoặc cáp DVI tới D-SUB.

2 Cắm dây nguồn từ sản phẩm vào ổ điện. Bật công tắc nguồn trên máy tính.

(Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo "3.3.5 Kết nối Nguồn".

- Cổng [DVI OUT] chỉ có thể được sử dụng để kết nối với màn hình đôi.
- Kết nối vào cổng [DVI OUT] để hiển thị cùng các hình ảnh trên màn hình khác như màn hình máy chiếu.

  (Dùng cho mục đích thuyết trình)
- Độ phân giải tối đa là 1920 x 1200 khi màn hình đôi được kết nối.

## 3.3.2 Kết nối cáp NỐI TIẾP

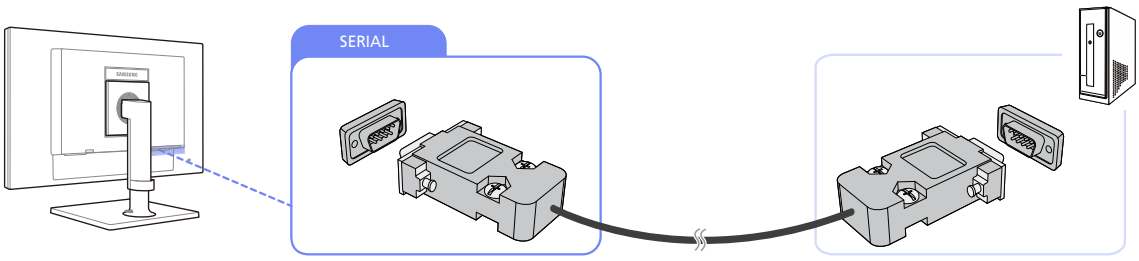


1 Sử dụng cáp RS-232C, kết nối [SERIAL] ở mặt sau của sản phẩm vào [SERIAL] trên thiết bị hoặc PC hỗ trợ kết nối (giao diện) RS232C.

### 3.3.3 Kết nối Microphone

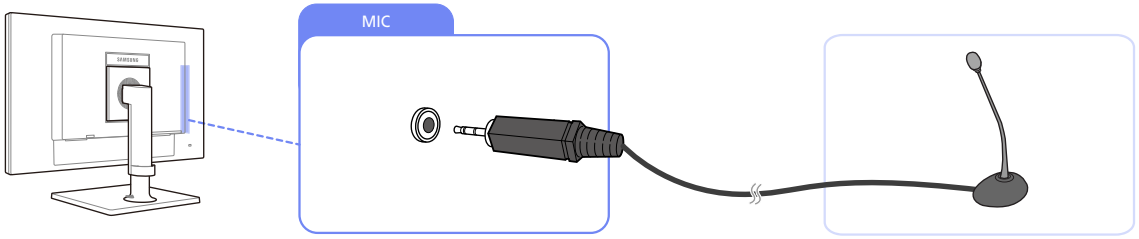


1 Kết nối micro với [MIC] ở phía sau của sản phẩm.

### 3.3.4 Kết nối với Tai nghe

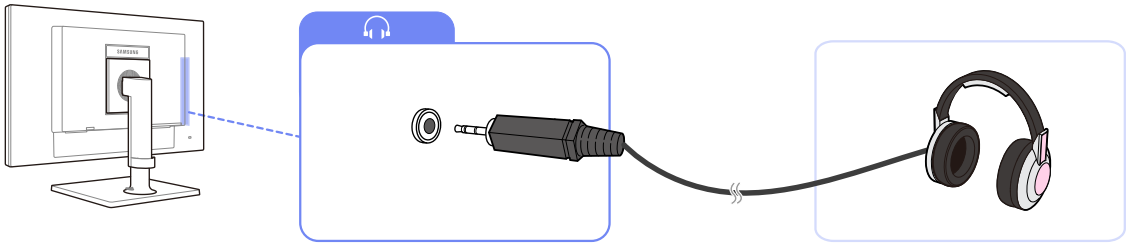

1 Kết nối thiết bị đầu ra âm thanh (tai nghe) với [ ] ở phía sau của sản phẩm.

### 3.3.5 Kết nối Nguồn

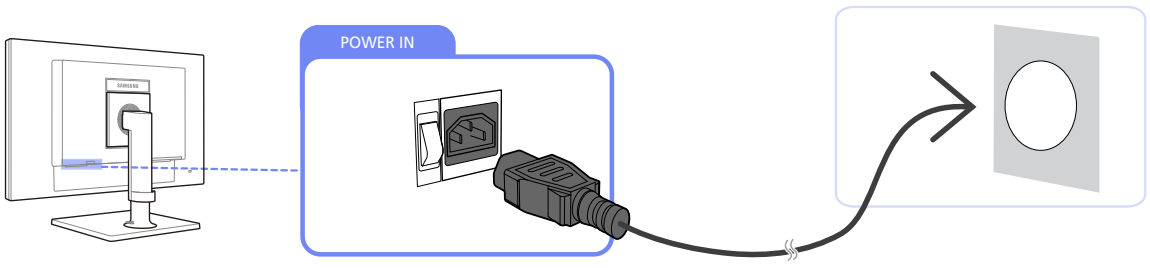


1 Cắm dây nguồn từ sản phẩm vào ổ điện.

# 4 Thiết lập màn hình

Đặt cấu hình các cài đặt màn hình như độ sáng và tông màu.

## 4.1 Brightness

Điều chỉnh độ sáng chung của hình ảnh. (Phạm vi: 0~100)

Giá trị cao hơn sẽ làm cho hình ảnh trông sáng hơn.

- Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC**Bright** được đặt ở chế độ **Dynamic Contrast**.
- Menu này không khả dụng khi **Eco Saving** được đặt là **On**.

### 4.1.1 Đặt cấu hình cho Brightness

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **PICTURE** và nhấn [⮌/⮐] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Brightness** và nhấn [⮌/⮐] trên sản phẩm.
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

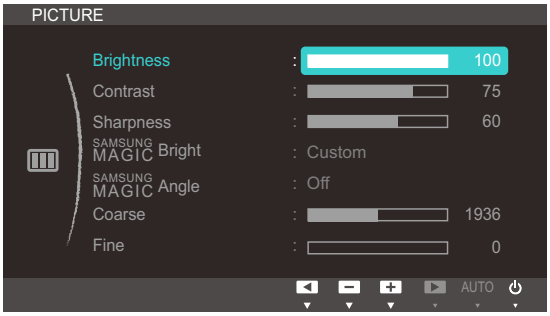


4. Điều chỉnh **Brightness** bằng nút [▲/▼].

# 4.2 Contrast

Điều chỉnh độ tương phản giữa các đối tượng và nền. (Phạm vi: 0~100)

Giá trị cao hơn sẽ làm tăng độ tương phản làm cho đối tượng trông rõ hơn.

- Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC**Bright** đang ở chế độ **Cinema** hoặc **Dynamic Contrast**.
- Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC**Color** đang ở chế độ **Full** hoặc **Intelligent**.

## 4.2.1 Đặt cấu hình Contrast

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **PICTURE** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Contrast** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

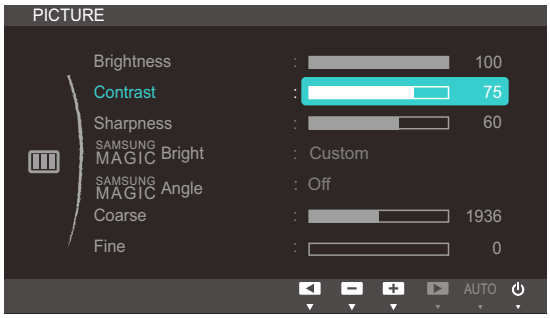


4. Điều chỉnh **Contrast** bằng nút [▲/▼].

# 4.3 Sharpness

Làm cho đường viền đối tượng rõ hơn hoặc mờ hơn. (Phạm vi: 0~100)

Giá trị cao hơn sẽ làm cho đường viền đối tượng rõ hơn.

- Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC**Bright** đang ở chế độ **Cinema** hoặc **Dynamic Contrast**.
- Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC**Color** đang ở chế độ **Full** hoặc **Intelligent**.

## 4.3.1 Đặt cấu hình Sharpness

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **PICTURE** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Sharpness** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

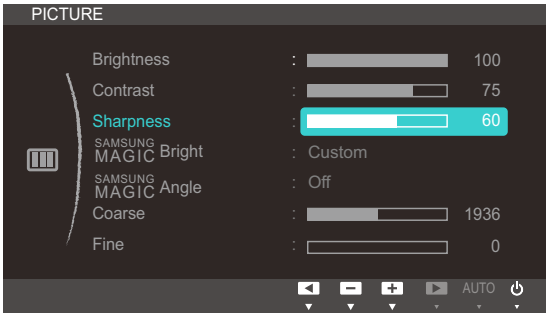


4. Điều chỉnh **Sharpness** bằng nút [▲/▼].

# 4.4 SAMSUNG MAGIC Bright

Menu này cung cấp chất lượng hình ảnh tối ưu phù hợp với môi trường mà sản phẩm sẽ được sử dụng.

- Menu này không khả dụng khi **Eco Saving** được đặt là **On**.
- Menu này không có sẵn khi SAMSUNG MAGIC**Angle** đang bật.

Tính năng này cung cấp góc xem, độ sáng và tông màu phù hợp với sở thích của bạn.

## 4.4.1 Cấu hình SAMSUNG MAGIC Bright

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **PICTURE** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến SAMSUNG MAGIC**Bright** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

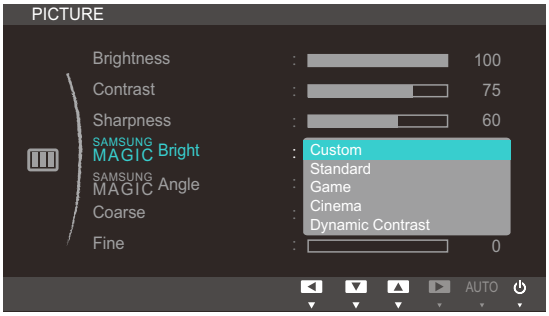


- **Custom**: Tùy chỉnh độ tương phản và độ sáng như yêu cầu.
- **Standard**: Đạt được chất lượng hình ảnh phù hợp cho chỉnh sửa tài liệu hoặc sử dụng Internet.
- **Game**: Đạt được chất lượng hình ảnh phù hợp cho chơi trò chơi có nhiều hiệu ứng đồ họa và di chuyển sống động.
- **Cinema**: Đạt được độ sáng và độ nét của TV phù hợp để thưởng thức nội dung video và DVD.
- **Dynamic Contrast**: Đạt được độ sáng cân bằng thông qua điều chỉnh độ tương phản tự động.

4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [MENU].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

# 4.5 SAMSUNG MAGIC Angle

SAMSUNG MAGIC**Angle** cho phép bạn đặt cấu hình các cài đặt để có được chất lượng hình ảnh tối ưu theo góc xem của bạn.

- Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC**Bright** đang ở chế độ **Cinema** hoặc **Dynamic Contrast**.
- Menu này không có sẵn khi SAMSUNG MAGIC**Color** đang bật.

Tính năng này cung cấp góc xem, độ sáng và tông màu phù hợp với sở thích của bạn.

## 4.5.1 Cấu hình SAMSUNG MAGIC Angle

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **PICTURE** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến SAMSUNG MAGIC**Angle** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

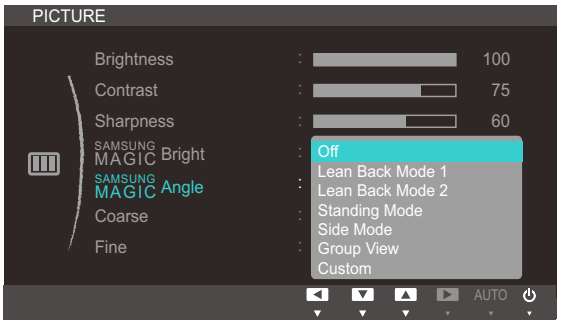


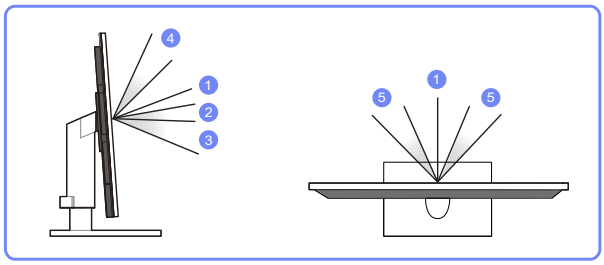


- **Off** ①: Chọn tùy chọn này để xem ở ngay phía trước sản phẩm.
- **Lean Back Mode 1** ②: Chọn tùy chọn này để xem ở vị trí hơi thấp hơn so với sản phẩm.
- **Lean Back Mode 2** ③: Chọn tùy chọn này để xem ở vị trí thấp hơn chế độ Lean Back Mode 1.
- **Standing Mode** ④: Chọn tùy chọn này để xem ở vị trí cao hơn so với sản phẩm.
- **Side Mode** ⑤: Chọn tùy chọn này để xem ở bên cạnh sản phẩm.
- **Group View**: Chọn tùy chọn này cho nhiều người xem để xem từ các vị trí ①, ④ và ⑤.
- **Custom**: **Lean Back Mode 1** sẽ được áp dụng theo mặc định nếu **Custom** được chọn.

4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [MENU].

5 Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

# 4.6 Coarse

Điều chỉnh tần số màn hình.

Chỉ có sẵn trong chế độ **Analog**.

## 4.6.1 Điều chỉnh Coarse

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **PICTURE** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Coarse** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

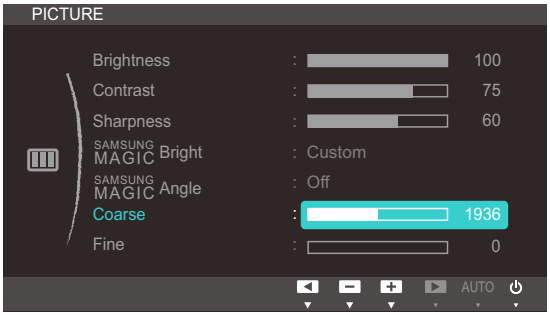


4. Điều chỉnh **Coarse** bằng nút [▲/▼].

# 4.7 Fine

Tinh chỉnh màn hình để đạt được hình ảnh sống động.

Chỉ có sẵn trong chế độ **Analog**.

## 4.7.1 Điều chỉnh Fine

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **PICTURE** và nhấn [⮌/⮐] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Fine** và nhấn [⮌/⮐] trên sản phẩm.
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

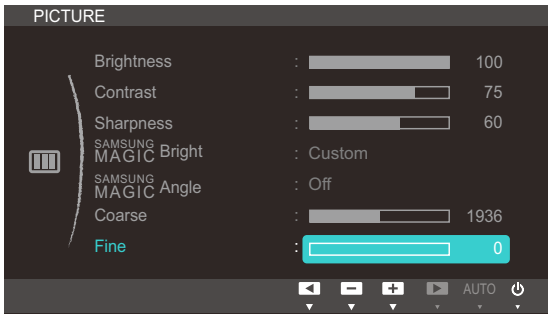


4. Điều chỉnh **Fine** bằng nút [▲/▼].

# 5 Đặt cấu hình tông màu

Điều chỉnh tông màu của màn hình. Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC**Bright** được đặt ở chế độ **Cinema** hoặc **Dynamic Contrast**.

## 5.1 SAMSUNG MAGIC Color

SAMSUNG MAGIC**Color** là công nghệ cải thiện chất lượng hình ảnh mới được Samsung phát triển độc lập, mang lại màu sắc tự nhiên sống động mà không làm giảm chất lượng hình ảnh.

Menu này không có sẵn khi SAMSUNG MAGIC**Angle** đang bật.

### 5.1.1 Cấu hình SAMSUNG MAGIC Color

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **COLOR** và nhấn [⮌/⮎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến SAMSUNG MAGIC**Color** và nhấn [⮌/⮎] trên sản phẩm.
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

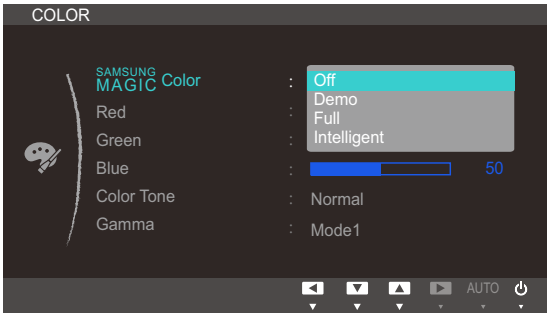


- **Off**: Tắt SAMSUNG MAGIC**Color**.
- **Demo**: So sánh chế độ màn hình bình thường với chế độ SAMSUNG MAGIC**Color**.
- **Full** : Đạt được chất lượng hình ảnh sống động cho tất cả khác khu vực bao gồm các màu sặc sỡ trong hình ảnh.
- **Intelligent**: Cải thiện sắc độ cho tất cả cá khu vực trừ các màu sặc sỡ trong hình ảnh.

4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [MENU].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

# 5.2 Red

Điều chỉnh giá trị của màu đỏ trong hình ảnh. (Phạm vi: 0~100)

Giá trị cao hơn sẽ tăng mật độ của màu đỏ.

Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC**Color** đang ở chế độ **Full** hoặc **Intelligent**.

## 5.2.1 Đặt cấu hình Red

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **COLOR** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Red** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

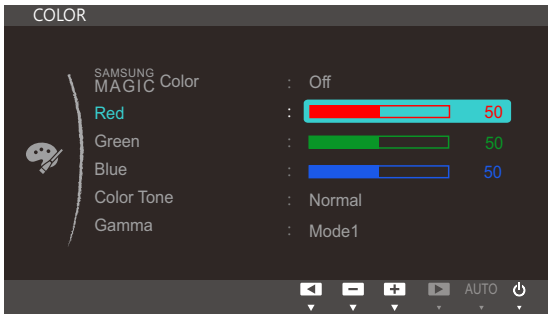


4. Điều chỉnh **Red** bằng nút [▲/▼].

## 5.3 Green

Điều chỉnh giá trị của màu xanh lá cây trong hình ảnh. (Phạm vi: 0~100)

Giá trị cao hơn sẽ tăng mật độ của màu đỏ.

Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC**Color** đang ở chế độ **Full** hoặc **Intelligent**.

### 5.3.1 Đặt cấu hình Green

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **COLOR** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Green** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

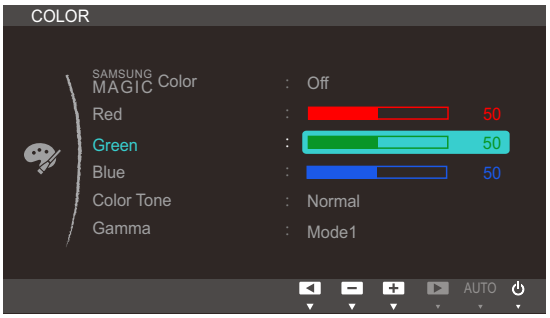


4. Điều chỉnh **Green** bằng nút [▲/▼].

## 5.4 Blue

Điều chỉnh giá trị của màu xanh dương trong hình ảnh. (Phạm vi: 0~100)

Giá trị cao hơn sẽ tăng mật độ của màu đỏ.

Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC**Color** đang ở chế độ **Full** hoặc **Intelligent**.

### 5.4.1 Đặt cấu hình Blue

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **COLOR** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Blue** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

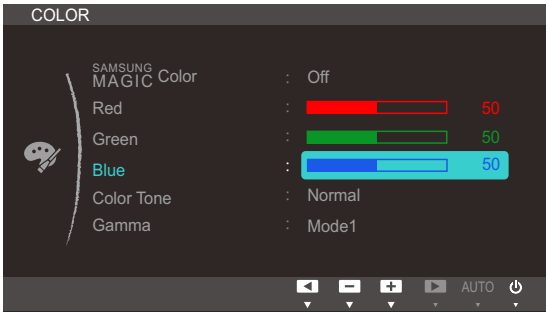


4. Điều chỉnh **Blue** bằng nút [▲/▼].

# 5 Đặt cấu hình tông màu

## 5.5 Color Tone

Điều chỉnh tông màu chung của hình ảnh.

- Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC**Color** đang ở chế độ **Full** hoặc **Intelligent**.
- Menu này không có sẵn khi SAMSUNG MAGIC**Angle** đang bật.

### 5.5.1 Cấu hình cài đặt Color Tone

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **COLOR** và nhấn [⮌/⮐] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Color Tone** và nhấn [⮌/⮐] trên sản phẩm.
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

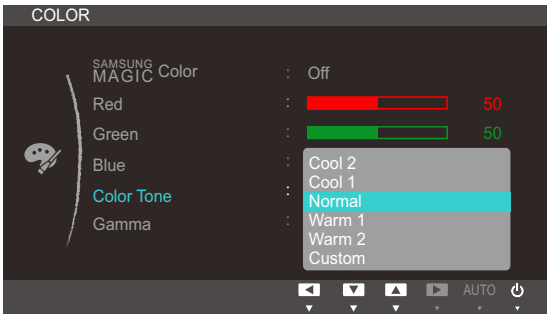


- **Cool 2**: Đặt nhiệt độ màu thành mát hơn **Cool 1**.
- **Cool 1**: Đặt nhiệt độ màu thành mát hơn chế độ **Normal**.
- **Normal**: Hiển thị tông màu tiêu chuẩn.
- **Warm 1**: Đặt nhiệt độ màu thành ấm hơn chế độ **Normal**.
- **Warm 2**: Đặt nhiệt độ màu thành ấm hơn **Warm 1**.
- **Custom**: Tùy chỉnh tông màu.

4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [MENU].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

# 5.6 Gamma

Điều chỉnh độ sáng trung bình (Gamma) của hình ảnh.

Menu này không có sẵn khi SAMSUNG MAGIC**Angle** đang bật.

## 5.6.1 Đặt cấu hình Gamma

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **COLOR** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Gamma** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

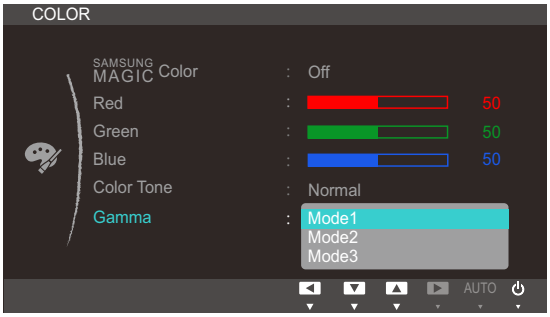


4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [MENU].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

# 6 Thay đổi kích thước hoặc định vị lại màn hình

## 6.1 H-Position & V-Position

**H-Position**: Di chuyển màn hình sang trái hoặc sang phải.

**V-Position**: Di chuyển màn hình lên hoặc xuống.

Chỉ có sẵn trong chế độ **Analog**.

### 6.1.1 Đặt cấu hình H-Position & V-Position

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SIZE&POSITION** và nhấn [⮌/⮐] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để chuyển sang **H-Position** hoặc **V-Position** và nhấn [⮌/⮐].
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

TC191W

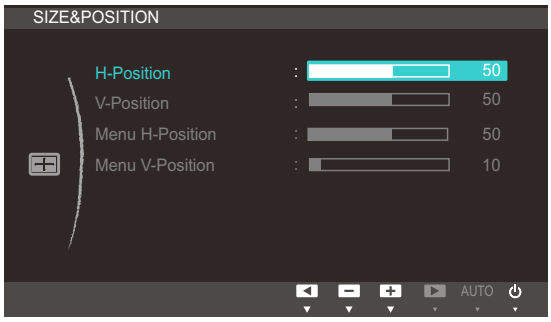


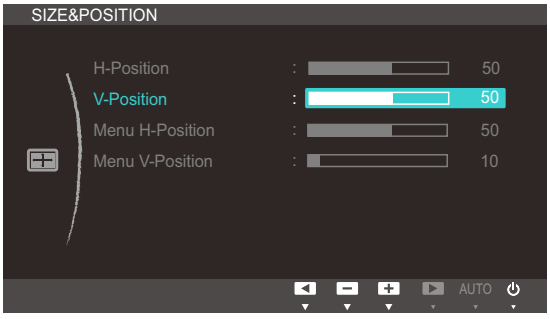


TC241W

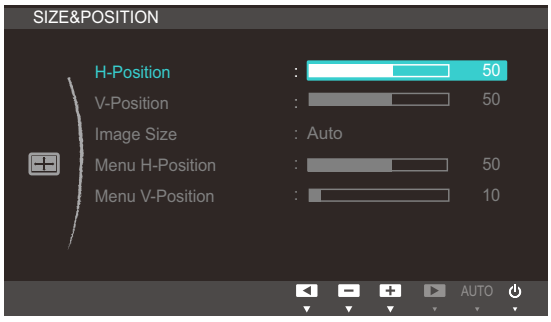


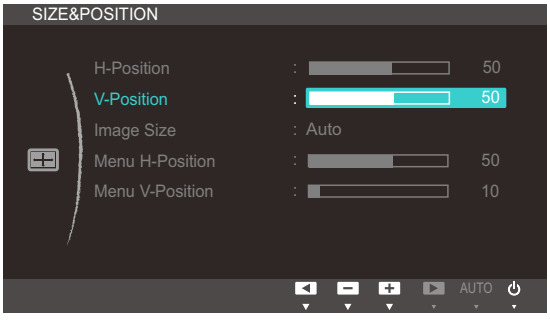


4. Nhấn [▲/▼] để đặt cấu hình **H-Position** hoặc **V-Position**.

# 6 Thay đổi kích thước hoặc định vị lại màn hình

## 6.2 Image Size (chỉ mẫu TC241W)

Thay đổi kích thước hình ảnh.

### 6.2.1 Thay đổi Image Size

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SIZE&POSITION** và nhấn [⮌/⮐] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Image Size** và nhấn [⮌/⮐] trên sản phẩm.
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

TC241W

- **Auto**: Hiển thị hình ảnh theo tỷ lệ khung hình của nguồn vào.
- **Wide**: Hiển thị hình ảnh trong chế độ toàn màn hình bất kể tỷ lệ khung hình của nguồn vào.

4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [MENU].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

# 6 Thay đổi kích thước hoặc định vị lại màn hình

## 6.3 Menu H-Position & Menu V-Position

**Menu H-Position**: Di chuyển vị trí menu sang trái hoặc sang phải.

**Menu V-Position**: Di chuyển vị trí menu lên hoặc xuống.

### 6.3.1 Đặt cấu hình Menu H-Position & Menu V-Position

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SIZE&POSITION** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để chuyển sang **Menu H-Position** hoặc **Menu V-Position** và nhấn [⮌/⏎].
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

TC191W

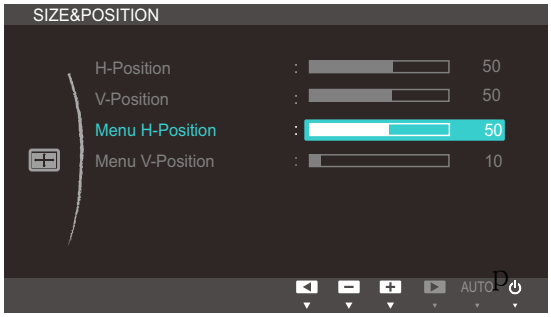


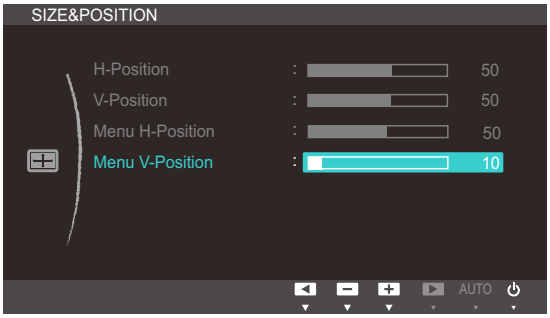


TC241W

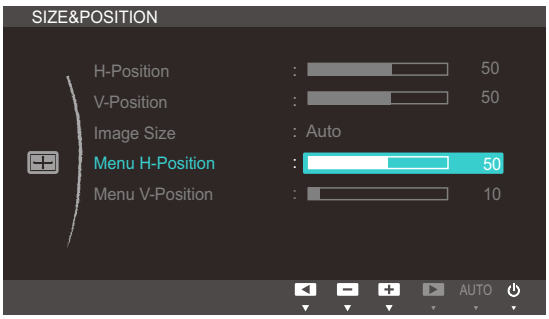


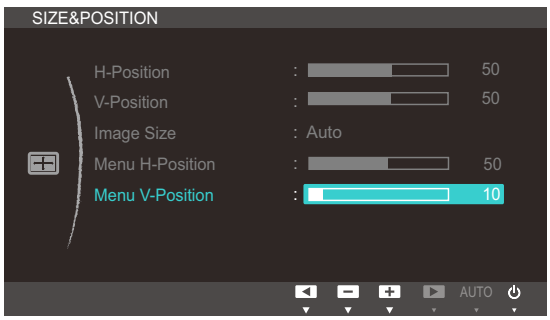


4. Nhấn [▲/▼] để đặt cấu hình **Menu H-Position** hoặc **Menu V-Position**.

# 7 Thiết lập và khôi phục

## 7.1 Reset

Đặt tất cả các cài đặt của sản phẩm trở về cài đặt xuất xưởng mặc định.

### 7.1.1 Bắt đầu cài đặt (Reset)

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [⮌/⮐] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Reset** và nhấn [⮌/⮐] trên sản phẩm.
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

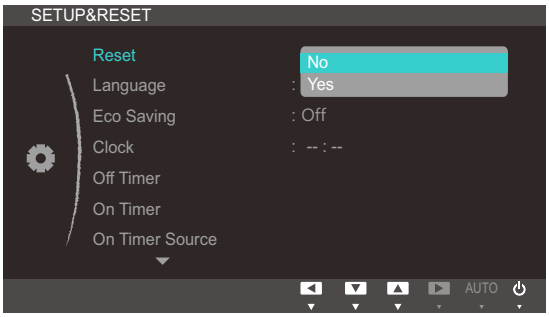


4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [MENU].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

# 7.2 Language

Cài đặt ngôn ngữ trình đơn.

- Thay đổi cài đặt ngôn ngữ sẽ chỉ được áp cho hiển thị trình đơn trên màn hình.
- Thay đổi này sẽ không được áp cho những tính năng khác trên máy tính.

## 7.2.1 Thay đổi Language

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Language** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

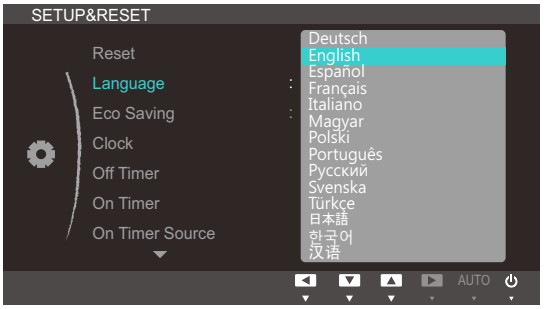


4. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến ngôn ngữ bạn muốn và nhấn [MENU].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

# 7.3 Eco Saving

Tính năng **Eco Saving** giảm tiêu thụ năng lượng bằng cách điều chỉnh dòng điện mà panel màn hình sử dụng.

Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC**Bright** đang ở chế độ **Dynamic Contrast**.

## 7.3.1 Đặt cấu hình Eco Saving

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Eco Saving** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

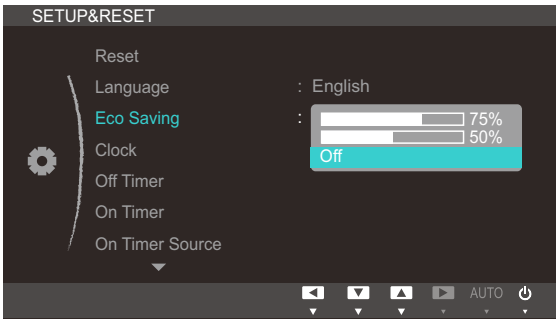


- **75%**: Giảm mức tiêu thụ năng lượng của màn hình xuống còn 75% mức mặc định.
- **50%**: Giảm mức tiêu thụ năng lượng của màn hình xuống còn 50% mức mặc định.
- **Off**: Tắt tính năng **Eco Saving**.

4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [MENU].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

# 7.4 Clock

Đặt thời gian hiện tại theo cách thủ công.

## 7.4.1 Cấu hình Clock

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [⮌/⮐] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Clock** và nhấn [⮌/⮐] trên sản phẩm.
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

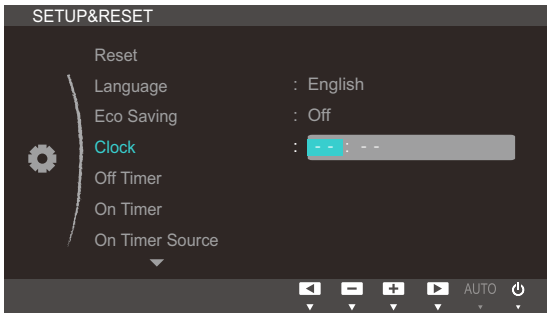


4. Nhấn [▲/▼] để đặt cấu hình **Clock**.

# 7.5 Off Timer

Bạn có thể thiết đặt để sản phẩm tự động tắt.

**Off Timer** bật lên chỉ khi **Clock** được thiết đặt.

## 7.5.1 Đặt cấu hình Off Timer

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [⮌/⮐] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Off Timer** và nhấn [⮌/⮐] trên sản phẩm.
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

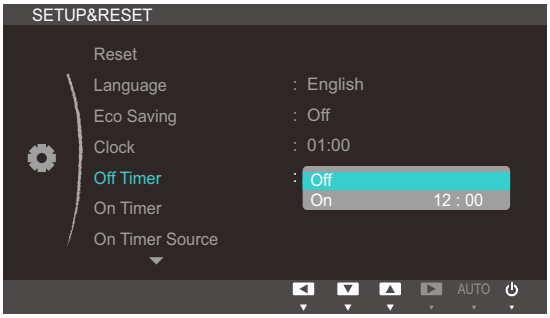


4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [MENU].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

# 7.6 On Timer

Bạn có thể thiết đặt để sản phẩm tự động bật lên.

**On Timer** bật lên chỉ khi **Clock** được thiết đặt.

## 7.6.1 Cấu hình On Timer

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **On Timer** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm.
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

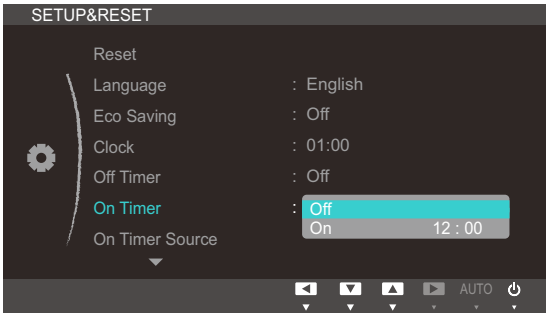


4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [MENU].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

# 7.7 On Timer Source

Chọn nguồn tín hiệu đầu vào mặc định bạn muốn sử dụng khi sản phẩm bật lên.

**On Timer Source** bật lên chỉ khi **On Timer** đang bật.

## 7.7.1 Cấu hình On Timer Source

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **On Timer Source** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm.
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

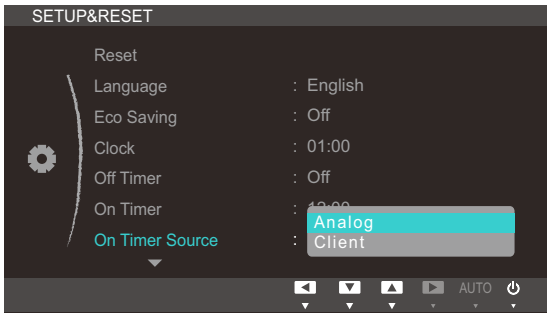


4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [MENU].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

# 7.8 On Timer Volume

Chọn âm lượng mong muốn khi sản phẩm bật lên.

**On Timer Volume** bật lên chỉ khi **On Timer** đang bật.

## 7.8.1 Cấu hình On Timer Volume

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **On Timer Volume** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm.
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

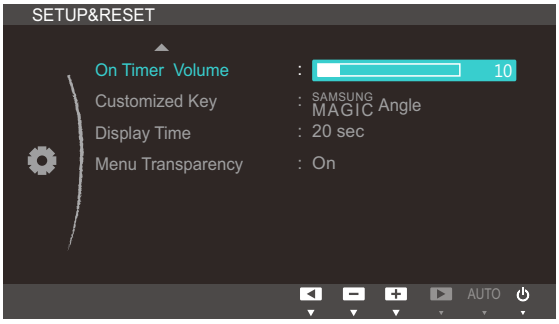


4. Nhấn [▲/▼] để đặt cấu hình **On Timer Volume**.

# 7.9 Customized Key

Bạn có thể tùy chỉnh **Customized Key** như sau.

## 7.9.1 Cấu hình Customized Key

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [⮌/⮐] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Customized Key** và nhấn [⮌/⮐] trên sản phẩm.
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

TC191W

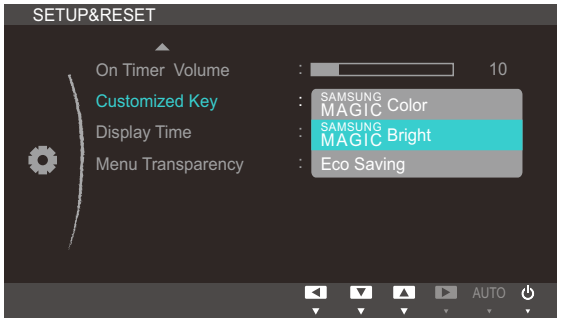
SETUP&RESET
On Timer Volume : 10
Customized Key : SAMSUNG MAGIC Color
Display Time : SAMSUNG MAGIC Bright
Menu Transparency : Eco Saving
AUTO

TC241W

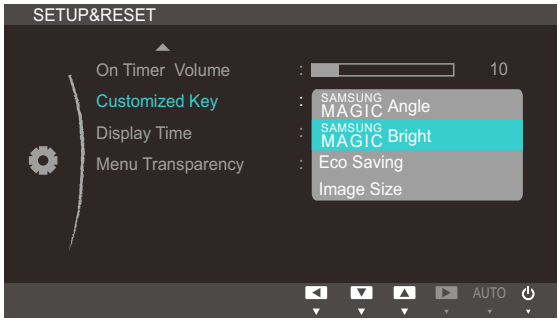


- TC191W

  SAMSUNG MAGIC**Color** - SAMSUNG MAGIC**Bright** – **Eco Saving**

- TC241W

  SAMSUNG MAGIC**Angle** - SAMSUNG MAGIC**Bright** - **Eco Saving** - **Image Size**

4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [MENU].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

# 7.10 Display Time

Đặt menu hiển thị trên màn hình (OSD) thành tự động biến mất nếu menu không được sử dụng trong khoảng thời gian đã chỉ định.

Có thể sử dụng **Display Time** để chỉ định khoảng thời gian mà bạn muốn menu OSD biến mất sau đó.

## 7.10.1 Đặt cấu hình Display Time

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [⮌/⮐] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Display Time** và nhấn [⮌/⮐] trên sản phẩm.
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

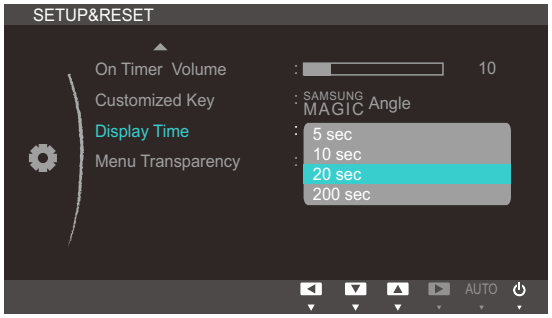


4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [MENU].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

# 7.11 Menu Transparency

Cài đặt độ trong suốt cho các cửa sổ trình đơn:

## 7.11.1 Thay đổi Menu Transparency

1. Nhấn [MENU] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Menu Transparency** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm.
   Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

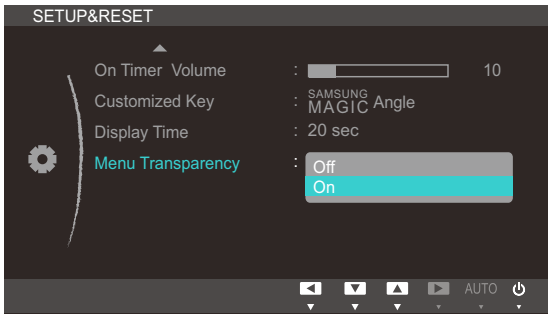


4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [MENU].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

# 8.1 INFORMATION

Hiển thị nguồn vào, tần số và độ phân giải hiện tại.

## 8.1.1 Hiển thị INFORMATION

1 Nhấn [MENU] trên sản phẩm.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **INFORMATION**.

Nguồn vào, tần số và độ phân giải hiện tại sẽ xuất hiện.

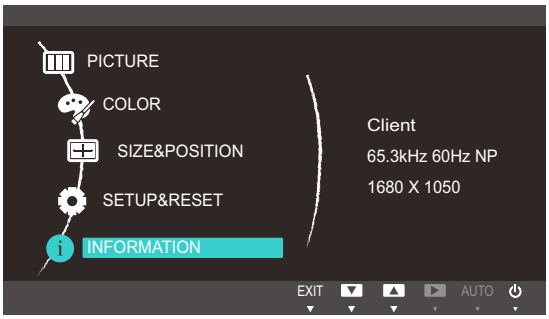


Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

# 8.2 Cấu hình Volume trên Màn hình khởi động

Điều chỉnh **Volume** bằng nút [⊙] trong màn hình khởi động khi không có sẵn menu hiển thị trên màn hình nào.

1 Nhấn bất kỳ nút nào ở phía trước sản phẩm (khi không có màn hình trình đơn nào được hiển thị) để hiển thị hướng dẫn OSD. Tiếp theo, nhấn [⊙].

Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

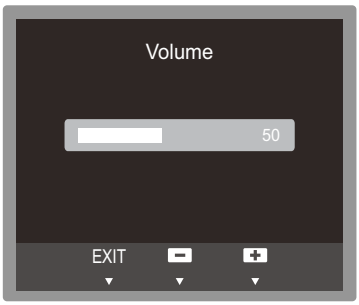


2 Điều chỉnh **Volume** bằng nút [▲/▼].

# 9 Cài đặt phần mềm

## 9.1 Natural Color

### 9.1.1 Natural Color là gì?

Một trong những vấn đề với việc sử dụng máy tính là màu sắc bạn nhìn thấy trên màn hình khác với màu sắc của màn hình được in hoặc khác tín hiệu đầu vào hình ảnh nguồn qua máy scan hoặc máy ảnh kỹ thuật số. Natural Color là một hệ thống quản lý màu được phát triển bởi Công ty Điện tử SamSung để khắc phục vấn đề này. Phần mềm này chỉ hoạt động với các sản phẩm Samsung và cho phép bạn điều chỉnh màu sắc được hiển thị trên màn hình để nó khớp với màu sắc của màn hình được in. Để biết thêm thông tin chi tiết, tham khảo trợ giúp trực tuyến của phần mềm (F1).

Chương trình phần mềm Natural Color (Màu sắc tự nhiên) được cung cấp trực tuyến. Bạn có thể tải chương trình này từ trang web dưới đây để cài đặt:

http://www.samsung.com/us/consumer/learningresources/monitor/naturalcolorexpert/pop_download.html

# 9.2 MultiScreen

Tính năng MultiScreen cho phép người dùng có thể chia màn hình ra nhiều khu vực.

## 9.2.1 Cài đặt phần mềm

1. Đưa đĩa CD cài đặt vào ổ đĩa CD-ROM.
2. Chọn chương trình cài đặt "MultiScreen".

   Nếu màn hình pop-up của chương trình cài đặt không xuất hiện trên màn hình chính, hãy tìm và nhấp kép vào tập tin "MultiScreen" trên [CD-ROM].

3. Khi màn hình Installation Wizard xuất hiện, nhấp [**Next (Tiếp tục)**].
4. Hãy làm theo hướng dẫn trên màn hình để tiến hành cài đặt.

   - Phần mềm có thể chưa hoạt động đúng nếu bạn không khởi động lại máy tính sau khi cài đặt.
   - Biểu tượng "MultiScreen" có thể xuất hiện tùy theo hệ thống máy tính và các quy cách của sản phẩm.
   - Nếu biểu tượng phím tắt không xuất hiện, nhấn phím "F5".

### Các hạn chế và trục trặc khi cài đặt (MultiScreen)

Cài đặt "MultiScreen" có thể bị ảnh hưởng bởi card màn hình, [Motherboard] và môi trường Mạng.

#### Hệ điều hành

**"OS"**

- "Windows 2000"
- "Windows XP Home Edition"
- "Windows XP Professional"
- "Windows Vista 32bit"
- "Windows 7 32bit"

  Để sử dụng "MultiScreen", khuyến cáo sử dụng hệ điều hành "Windows 2000" hoặc mới hơn.

**"Hardware"**

- Tối thiểu 32MB bộ nhớ
- Tối thiểu 60MB ổ cứng còn trống

### 9.2.2 Gỡ bỏ phần mềm

Nhấp [**Start (Bắt đầu)**], chọn [**Settings (Cài đặt)**]/[**Control Panel (Bảng điều khiển)**] và nhấp kép vào [**Add or Remove Programs (Thêm hoặc gỡ bỏ chương trình)**].

Chọn "MultiScreen" từ danh sách và nhấp nút [**Add**/**Delete** (Thêm/Xóa)].

# 9 Cài đặt phần mềm

## 9.3 MagicRMS Pro

### 9.3.1 Giới thiệu về MagicRMS Pro

Chương trình**MagicRMS Pro** có thể được sử dụng để điều khiển màn hình mạng Samsung từ xa. Thiết kế giao diện hướng đến người sử dụng giúp cho việc sử dụng chương trình trở nên dễ dàng và tiện lợi.

Khi sử dụng **MagicRMS Pro**, bạn có thể đặt lịch cho một tác vụ được thực hiện tại một thời điểm nhất định trên màn hình mạng.

Đồng thời, bạn có thể quản lý hiệu quả nhiều màn hình mạng bằng cách ghép nhóm hoặc lọc các màn hình đó theo những điều kiện cụ thể.

Để sử dụng **MagicRMS Pro Solution** hoặc **MagicRMS Pro Agent** và để xem hướng dẫn sử dụng, hãy truy cập www.samsunglfd.com. Đi đến **Support**>**Download Center** và tìm **MagicRMS** để tải xuống.

> Lưu ý về giấy phép mã nguồn mở
>
> Nếu sử dụng phần mềm mã nguồn mở, có sẵn bản quyền phần mềm mã nguồn mở trên **MagicRMS Pro Agent**.
>
> Lưu ý về giấy phép mã nguồn mở chỉ được viết bằng tiếng Anh.

### 9.3.2 Các thành phần

**MagicRMS Pro** bao gồm **MagicRMS Pro Server**, **MagicRMS Pro Database**, **MagicRMS Pro Console** và **PXE**. **MagicRMS Pro** quản lý màn hình mạng bằng cách tương tác với **MagicRMS Pro Agent**.

**MagicRMS Pro Server**, **Database** và **Console** tham chiếu **Server**, **Database** và **Console** tương ứng. **MagicRMS Pro Agent** tham chiếu **Agent**.

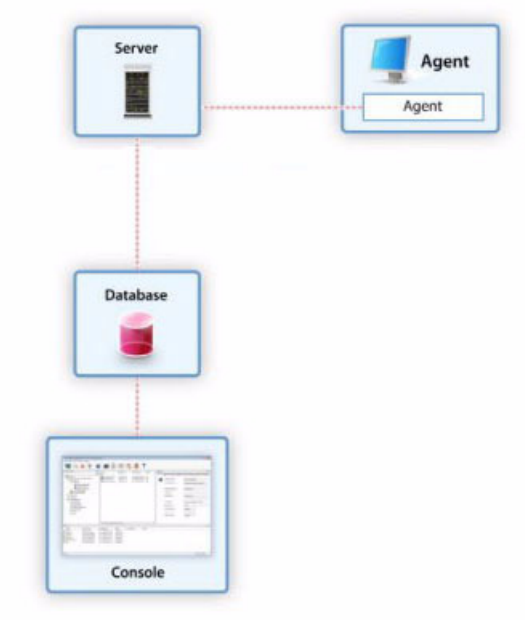


### 9.3.3 MagicRMS Pro Server

**MagicRMS Pro Server** là thành phần cốt lõi của **MagicRMS Pro**. **Server** kết nối với **Database** và **Console** và gửi lệnh để thực hiện tác vụ do người dùng yêu cầu đến màn hình mạng của thiết bị được cài đặt **Agent**.

Tác vụ được yêu cầu từ **Console** được lưu trong **Database**. Tác vụ đã lưu được chuyển tiếp đến **Agent** thông qua **Server** và được thực hiện trên màn hình mạng.

### 9.3.4 MagicRMS Pro Database

**MagicRMS Pro Database** lưu giữ thông tin cần thiết để quản lý màn hình mạng.

### 9.3.5 MagicRMS Pro Console

Quản lý màn hình mạng và tổ chức các yêu cầu tác vụ bằng **Console**.

### 9.3.6 PXE

**PXE** là giao thức chuẩn, cho phép **Server** và Máy khách giao tiếp với nhau để giúp cho Máy khách khởi động thông qua mạng bằng **DHCP** và **TFTP**.

Khởi động hệ thống thông qua mạng cho phép khởi động **Diskless**, tại đó hệ thống có thể được vận hành bất kể hệ điều hành. Điều đó cũng cho phép hệ điều hành của hệ thống được khôi phục hoặc sao lưu thông qua mạng.

### 9.3.7 MagicRMS Pro Agent

**MagicRMS Pro Agent** được cài đặt trên màn hình mạng để thực hiện các tác vụ được yêu cầu từ máy chủ và gửi thông tin màn hình mạng đến máy chủ theo định kỳ.

Để biết thêm chi tiết về cách sử dụng **MagicRMS Pro Agent**, hãy xem trợ giúp cho **MagicRMS Pro Agent**.

# 10 Hướng dẫn xử lý sự cố

## 10.1 Requirements Before Contacting Samsung Customer Service Center

### 10.1.1 Kiểm tra sản phẩm

Trước khi gọi điện tới Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung, hãy kiểm tra sản phẩm như sau. Nếu vẫn còn vấn đề, hãy liên hệ Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung.

Kiểm tra xem sản phẩm có hoạt động bình thường không bằng cách sử dụng tính năng kiểm tra sản phẩm.

Nếu màn hình tắt và đèn báo nguồn nhấp nháy mặc dù sản phẩm được kết nối đúng cách với máy tính, hãy thực hiện kiểm tra tự chẩn đoán.

1. Tắt nguồn máy tính và sản phẩm.
2. Rút cáp khỏi sản phẩm.
3. Bật nguồn sản phẩm.
4. Nếu thông báo **Check Signal Cable** xuất hiện, sản phẩm hoạt động bình thường.

   Nếu màn hình bị trống, hãy kiểm tra hệ thống PC, bộ điều khiển video và cáp.

### 10.1.2 Kiểm tra độ phân giải và tần số

Đối với chế độ vượt quá độ phân giải được hỗ trợ (tham khảo phần "11.3 Standard Signal Mode Table"), thông báo **Not Optimum Mode** sẽ xuất hiện trong khoảng thời gian ngắn.

### 10.1.3 Kiểm tra những mục sau đây.

| Vấn đề về lắp đặt (chế độ PC) | |
|---|---|
| **Màn hình liên tục bật và tắt.** | Kiểm tra rằng cáp được kết nối đúng cách giữa sản phẩm và máy tính và các đầu nối được khóa chặt. (Tham khảo phần "3.2 Kết nối và sử dụng PC") |

| Vấn đề về màn hình | |
|---|---|
| **Đèn LED bị tắt. Màn hình không bật.** | Kiểm tra rằng cáp nguồn được kết nối đúng cách. (Tham khảo phần "3.2 Kết nối và sử dụng PC") |

# 10 Hướng dẫn xử lý sự cố

| Vấn đề về màn hình | |
|---|---|
| **Thông báo Check Signal Cable xuất hiện.** | Kiểm tra rằng cáp được kết nối đúng cách vào sản phẩm. (Tham khảo phần "3.2 Kết nối và sử dụng PC") |
| | Kiểm tra xem thiết bị kết nối với với sản phẩm có bật không. |
| **"Not Optimum Mode" được hiển thị.** | Thông báo này sẽ xuất hiện nếu tín hiệu từ card đồ họa vượt quá độ phân giải hoặc tần số tối đa cho sản phẩm. |
| | Thay đổi độ phân giải và tần số tối đa để phù hợp với hoạt động của sản phẩm, tham khảo Bảng chế độ tín hiệu tiêu chuẩn (trang 97). |
| **Hình ảnh trên màn hình bị biến dạng.** | Kiểm tra kết nối cáp vào sản phẩm (Tham khảo phần "3.2 Kết nối và sử dụng PC") |
| Màn hình không rõ. Màn hình bị mờ. | Điều chỉnh **Coarse** (trang 60) và **Fine** (trang 61). |
| | Gỡ bỏ bất kỳ thiết bị (cáp video nối dài v.v) và thử lại |
| | Cài đặt độ phân giải và tần số tới mức khuyến cáo. (Tham khảo phần "11.1 General") |
| **Màn hình không ổn định và rung.** | Kiểm tra độ phân giải và tần số của máy tính đã nằm trong khoảng độ phân giải và tần số tương thích với sản phẩm hay chưa. Sau đó, nếu cần thiết, thay đổi các thiết đặt, tham khảo Bảng Chế độ Tín hiệu Chuẩn (trang 97) trong hướng dẫn này và trình đơn **INFORMATION** trên sản phẩm. |
| **Có bóng hoặc hình ảnh mờ còn lại trên màn hình.** | |
| **Màn hình quá sáng. Màn hình quá tối.** | Điều chỉnh **Brightness** (trang 54) và **Contrast** (trang 55). |
| **Màu màn hình không đồng nhất.** | Thay đổi các cài đặt **COLOR**. (Tham khảo phần " Đặt cấu hình tông màu") |
| **Màu sắc trên màn hình có bóng và bị biến dạng.** | Thay đổi các cài đặt **COLOR**.<br>(Tham khảo phần " Đặt cấu hình tông màu") |
| **Màu trắng trông không hẳn là trắng.** | Thay đổi các cài đặt **COLOR**.<br>(Tham khảo phần " Đặt cấu hình tông màu") |
| **Không có hình ảnh trên màn hình và đèn LED nhấp nháy trong mỗi 0.5 tới 1 giây.** | Sản phẩm đang ở chế độ tiết kiệm năng lượng. |
| | Nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím và di chuyển chuột để quay lại màn hình trước. |

| Vấn đề về âm thanh | |
|---|---|
| **Không có âm thanh.** | Kiểm tra kết nối của cáp âm thanh hoặc điều chỉnh âm lượng. |
| | Kiểm tra âm lượng. |
| **Âm lượng quá nhỏ.** | Điều chỉnh âm lượng. |
| | Nếu âm lượng vẫn nhỏ sau khi bật âm lượng đến mức tối đa, hãy điều chỉnh âm lượng trên card âm thanh của máy tính hoặc chương trình phần mềm. |

| Vấn đề với thiết bị nguồn | |
|---|---|
| **Nghe thấy tiếng bíp khi khởi động máy tính.** | Nếu bạn nghe thấy âm thanh bíp khi PC khởi động, hãy đem PC đi bảo dưỡng. |

## 10.2 Hỏi & Đáp

| Câu hỏi | Trả lời |
|---|---|
| **Làm thế nào để thay đổi tần số?** | Đặt tần số trên card màn hình.<br>• Windows XP: Chọn **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và chủ đề** → **Màn hình** → **Thiết đặt** → **Chuyên sâu** → **Màn hình** và điều chỉnh **Tốc độ làm mới** trong **Thiết đặt màn hình**.<br>• Windows ME/2000: Chọn **Pa-nen điều khiển** → **Màn hình** → **Thiết đặt** → **Chuyên sâu** → **Màn hình** và điều chỉnh **Tốc độ làm mới** trong **Thiết đặt màn hình**.<br>• Windows Vista: Vào **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Cá nhân hóa** → **Thiết đặt màn hình** → **Thiết đặt chuyên sâu** → **Màn hình**, và điều chỉnh **Tốc độ làm mới** bên dưới**Thiết đặt màn hình**.<br>• Windows 7 : Chọn **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Cá nhân hóa** → **Thiết đặt màn hình** → **Thiết đặt chuyên sâu** → **Màn hình** và điều chỉnh **Tốc độ làm mới** trong **Thiết đặt màn hình**. |

| Câu hỏi | Trả lời |
|---|---|
| **Làm thế nào để điều chỉnh độ phân giải?** | • Windows XP: Hãy đi đến **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và chủ đề** → **Màn hình** → **Thiết đặt** và điều chỉnh độ phân giải.<br>• Windows ME/2000: Hãy đi đến **Pa-nen điều khiển** → **Màn hình** → **Thiết đặt** và điều chỉnh độ phân giải.<br>• Windows Vista: Hãy đi đến **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Cá nhân hóa** → **Thiết đặt màn hình** và điều chỉnh độ phân giải.<br>• Windows 7 : Hãy đi đến **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Màn hình** → **Điều chỉnh độ phân giải** và điều chỉnh độ phân giải. |
| **Làm thế nào để cài đặt tính năng tiết kiệm năng lượng?** | • Windows XP: Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong**Pa-nen điều khiển** → **Hình thức và chủ đề** → **Màn hình** → **Cài đặt màn hình chờ** hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính.<br>• Windows ME/2000: Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong**Pa-nen điều khiển** → **Màn hình** → **Cài đặt màn hình chờ** hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính.<br>• Windows Vista: Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong**Pa-nen điều khiển** → **Hình thức và chủ đề** → **Tùy chỉnh** → **Cài đặt màn hình chờ** hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính.<br>• Windows 7 : Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong**Pa-nen điều khiển** → **Hình thức và chủ đề** → **Tùy chỉnh** → **Cài đặt màn hình chờ** hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính. |

Tham khảo sách hướng dẫn sử dụng cho máy tính hoặc card đồ họa của bạn để biết thêm các hướng dẫn về điều chỉnh.

# 11 Các thông số kỹ thuật

## 11.1 General

| Tên môđen | | TC191W | TC241W |
|---|---|---|---|
| **Màn hình** | **Kích thước** | 19 inch (48 cm) | 23,6 inch (60 cm) |
| | **Vùng hiển thị** | 376,32 mm (H) x 301,06 mm (V) | 521,28 mm (H) x 293,22 mm (V) |
| **Đồng bộ hóa** | **Tần số quét ngang** | 31~80 kHz | |
| | **Tần số quét dọc** | 56~75 Hz | |
| **Màu sắc hiển thị** | | 16,7 M | |
| **Độ phân giải** | **Độ phân giải tối ưu** | 1280 x 1024 @ 60 Hz | 1920 x 1080 @ 60 Hz |
| | **Độ phân giải tối đa** | 1280 x 1024 @ 75 Hz | 1920 x 1080 @ 60 Hz |
| **Xung Pixel cực đại** | | 135,00 MHz (Analog/Kỹ thuật số) | 148,50 MHz (Analog/Kỹ thuật số) |
| **Bộ kết nối máy chủ** | | LAN | |
| **Nguồn điện** | | Sản phẩm sử dụng điện áp 100 – 240 V.<br>Do điện áp chuẩn có thể khác nhau tùy theo quốc gia, vui lòng kiểm tra nhãn ở mặt sau của sản phẩm. | |
| **USB** | | USB 2.0 X 4(Down stream) | |
| **Tín hiệu video** | | RGB IN, DVI OUT | |
| **Loa** | | 1 W x 2 (stereo) | |
| **Kích thước (R x C x S) / Trọng lượng** | **Có chân đế** | (MIN) 407 X 352,9 X 210 mm / 5 kg<br>(MAX) 407 X 452,9 X 210 mm / 5 kg | (MIN) 554,6 X 380,3 X 224 mm / 6,1 kg<br>(MAX) 554,6 × 510,3 × 224 mm / 6,1 kg |
| | **Không có chân đế** | 407 X 336 X 60,6 mm / 3,6 kg | 554,6 X 510,3 X 61,2 mm / 4,5 kg |
| **VESA (V x H)** | | 100 mm X 100 mm | |
| **Nghiêng** | | -3˚ (± 2˚) ~ 25˚ (±2˚) | |
| **Các yếu tố môi trường** | **Vận hành** | Nhiệt độ: 10 ˚ C ~ 40 ˚ C (50 ˚ F ~ 104 ˚ F)<br>Độ ẩm :10 % – 80 %, không ngưng tụ | |
| | **Lưu trữ** | Nhiệt độ: -20 ˚ C ~ 45 ˚ C (-4 ˚ F ~ 113 ˚ F)<br>Độ ẩm : 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ | |

# 11 Các thông số kỹ thuật

| Tên môđen | TC191W | TC241W |
|---|---|---|
| Cắm và Chạy | Có thể lắp đặt màn hình này và sử dụng với bất kỳ hệ thống Cắm và Chạy tương thích nào. Trao đổi dữ liệu hai chiều giữa màn hình và hệ thống PC làm tối ưu cài đặt màn hình. Lắp đặt màn hình được tiến hành tự động. Tuy nhiên bạn có thể tùy chỉnh cài đặt lắp đặt nếu muốn. | |
| Panel Dot (Điểm ảnh) | Do tính chất của việc sản xuất sản phẩm này, khoảng 1 phần triệu điểm ảnh (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên màn hình. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm. | |

Các thông số kỹ thuật trên đây có thể thay đổi nhằm cải tiến chất lượng mà không thông báo trước.

Đây là thiết bị kỹ thuật số Nhóm B

## 11.2 Trình tiết kiệm năng lượng

Tính năng tiết kiệm năng lượng của sản phẩm này làm giảm sức tiêu thụ điện năng bằng cách tắt màn hình và đổi màu của đèn LED nếu không sử dụng sản phẩm trong một khoảng thời gian nhất định. Sản phẩm không được tắt trong chế độ tiết kiệm năng lượng. Để bật lại màn hình, hãy nhấn bất kì phím nào trên bàn phím hoặc di chuyển chuột. Tính năng tiết kiệm năng lượng chỉ hoạt động khi sản phẩm được kết nối với PC với tính năng tiết kiệm năng lượng.

| Trình tiết kiệm năng lượng | | Chế độ vận hành bình thường | | Chế độ chờ (S3) | | Tắt nguồn (S5) (Nút nguồn tắt) | Tắt nguồn (Tắt cơ học) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Phổ biến | Đánh giá | Client | Analog | | |
| Đèn nguồn điện | | Mở | | Tắt | Nhấp nháy | Tắt | Tắt |
| Lượng tiêu thụ điện năng | TC191W | 27 W | 43 W | dưới 1,8 W | | dưới 1,8 W | 0 W |
| | TC241W | 32 W | 49 W | | | | |

- Mức độ tiêu thụ năng lượng được hiển thị có thể khác nhau trong các điều kiện vận hành khác nhau hoặc khi thay đổi cài đặt.
- Để giảm mức tiêu thụ điện về 0 watt, hãy tắt công tắc nguồn ở phía sau sản phẩm hoặc rút cáp nguồn. Đảm bảo rút cáp nguồn khi bạn không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài. Để giảm sự tiêu thụ điện tới 0 wat khi công tắc nguồn không khả dụng, hãy ngắt kết nối cáp nguồn.

## 11.3 Standard Signal Mode Table

- Có thể cài đặt sản phẩm này về một độ phân giải duy nhất cho mỗi kích thước màn hình để đạt được chất lượng hình ảnh tối ưu do đặc tính của tấm panel. Do đó, độ phân giải khác độ phân giải được chỉ định có thể làm giảm chất lượng hình ảnh. Để tránh việc này, chúng tôi khuyên bạn bên chọn độ phân giải tối ưu được chỉ định cho kích thước màn hình của sản phẩm của bạn.
- Kiểm tra tần số khi bạn đổi màn hình CDT (kết nối với PC) lấy màn hình LCD. Nếu màn hình LCd không hỗ trợ 85 Hz, hãy đổi tần số dọc tới 60 Hz sử dụng màn hình CDT trước khi bạn đổi sản phẩm để lấy màn hình LCD.

Nếu tín hiệu thuộc các chế độ tín hiệu tiêu chuẩn sau được truyền từ máy tính của bạn, màn hình sẽ được điều chỉnh tự động. Nếu tín hiệu được truyền từ PC không thuộc về chế độ tín hiệu tiêu chuẩn, màn hình có thể bị trống có đèn LED được bật. Trong trường hợp đó, hãy thay đổi cài đặt theo bảng sau đây bằng cách tham khảo sổ tay hướng dẫn sử dụng card màn hình.

TC191W

| Chế độ hiển thị | Tần số quét ngang (kHz) | Tần số quét dọc (Hz) | Xung Pixel(MHz) | Phân cực đồng bộ (H/V) |
|---|---|---|---|---|
| IBM, 640 x 350 | 31,469 | 70,086 | 25,175 | +/- |
| IBM, 720 x 400 | 31,469 | 70,087 | 28,322 | -/+ |
| VESA, 640 x 480 | 31,469 | 59,940 | 25,175 | -/- |
| MAC, 640 x 480 | 35,000 | 66,667 | 30,240 | -/- |
| VESA, 640 x 480 | 37,861 | 72,809 | 31,500 | -/- |
| VESA, 640 x 480 | 37,500 | 75,000 | 31,500 | -/- |
| VESA, 800 x 600 | 35,156 | 56,250 | 36,000 | +/+ |
| VESA, 800 x 600 | 37,879 | 60,317 | 40,000 | +/+ |
| VESA, 800 x 600 | 48,077 | 72,188 | 50,000 | +/+ |
| VESA, 800 x 600 | 46,875 | 75,000 | 49,500 | +/+ |
| VESA, 832 x 624 | 49,726 | 74,551 | 57,284 | -/- |
| VESA, 1024 x 768 | 48,363 | 60,004 | 65,000 | -/- |
| VESA, 1024 x 768 | 56,476 | 70,069 | 75,000 | -/- |
| VESA, 1024 x 768 | 60,023 | 75,029 | 78,750 | +/+ |
| VESA, 1152 x 864 | 67,500 | 75,000 | 108,000 | +/+ |
| MAC, 1152 x 870 | 68,681 | 75,062 | 100,000 | -/- |
| VESA, 1280 x 720 | 45,000 | 60,000 | 74,250 | +/+ |
| VESA, 1280 x 800 | 49,702 | 59,810 | 83,500 | -/+ |

# Các thông số kỹ thuật

| Chế độ hiển thị | Tần số quét ngang (kHz) | Tần số quét dọc (Hz) | Xung Pixel(MHz) | Phân cực đồng bộ (H/V) |
|---|---|---|---|---|
| VESA, 1280 x 960 | 60,000 | 60,000 | 108,000 | +/+ |
| VESA, 1280 x 1024 | 63,981 | 60,020 | 108,000 | +/+ |
| VESA, 1280 x 1024 | 79,976 | 75,025 | 135,000 | +/+ |

TC241W

| Chế độ hiển thị | Tần số quét ngang (kHz) | Tần số quét dọc (Hz) | Xung Pixel(MHz) | Phân cực đồng bộ (H/V) |
|---|---|---|---|---|
| IBM, 640 x 350 | 31,469 | 70,086 | 25,175 | +/- |
| IBM, 720 x 400 | 31,469 | 70,087 | 28,322 | -/+ |
| VESA, 640 x 480 | 31,469 | 59,940 | 25,175 | -/- |
| MAC, 640 x 480 | 35,000 | 66,667 | 30,240 | -/- |
| VESA, 640 x 480 | 37,861 | 72,809 | 31,500 | -/- |
| VESA, 640 x 480 | 37,500 | 75,000 | 31,500 | -/- |
| VESA, 800 x 600 | 35,156 | 56,250 | 36,000 | +/+ |
| VESA, 800 x 600 | 37,879 | 60,317 | 40,000 | +/+ |
| VESA, 800 x 600 | 48,077 | 72,188 | 50,000 | +/+ |
| VESA, 800 x 600 | 46,875 | 75,000 | 49,500 | +/+ |
| MAC, 832 x 624 | 49,726 | 74,551 | 57,284 | -/- |
| VESA, 1024 x 768 | 48,363 | 60,004 | 65,000 | -/- |
| VESA, 1024 x 768 | 56,476 | 70,069 | 75,000 | -/- |
| VESA, 1024 x 768 | 60,023 | 75,029 | 78,750 | +/+ |
| VESA, 1152 x 864 | 67,500 | 75,000 | 108,000 | +/+ |
| MAC, 1152 x 870 | 68,681 | 75,062 | 100,000 | -/- |
| VESA, 1280 x 720 | 45,000 | 60,000 | 74,250 | +/+ |
| VESA, 1280 x 800 | 49,702 | 59,810 | 83,500 | -/+ |
| VESA, 1280 x 1024 | 63,981 | 60,020 | 108,000 | +/+ |
| VESA, 1280 x 1024 | 79,976 | 75,025 | 135,000 | +/+ |
| VESA, 1440 x 900 | 55,935 | 59,887 | 106,500 | -/+ |
| VESA, 1600 x 900 RB | 60,000 | 60,000 | 108,000 | +/+ |
| VESA, 1680 x 1050 | 65,290 | 59,954 | 146,250 | -/+ |
| VESA, 1920 x 1080 | 67,500 | 60,000 | 148,500 | +/+ |

# Các thông số kỹ thuật

- Tần số quét ngang

  Thời gian để quét một đường nối cạnh trái với cạnh phải của màn hình được gọi là chu kỳ quét ngang. Số nghịch đảo của chu kỳ quét ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được đo bằng kHz.

- Tần số quét dọc

  Lặp lại cùng một hình ảnh hàng chục lần mỗi giây cho phép bạn xem các hình ảnh tự nhiên. Tần số lặp lại được gọi là "tần số dọc" hoặc "tốc độ làm mới" và được biểu thị bằng Hz.

# Liên hệ SAMSUNG WORLDWIDE

Nếu có thắc mắc hay góp ý về sản phẩm của Samsung, vui lòng liên hệ với trung tâm chăm sóc khách hàng SAMSUNG.

| NORTH AMERICA | | |
|---|---|---|
| U.S.A | 1-800-SAMSUNG (726-7864) | http://www.samsung.com |
| CANADA | 1-800-SAMSUNG (726-7864) | http://www.samsung.com/ca (English)<br>http://www.samsung.com/ca_fr (French) |
| MEXICO | 01-800-SAMSUNG (726-7864) | http://www.samsung.com |

| LATIN AMERICA | | |
|---|---|---|
| ARGENTINE | 0800-333-3733 | http://www.samsung.com |
| BOLIVIA | 800-10-7260 | http://www.samsung.com |
| BRAZIL | 0800-124-421 4004-0000 | http://www.samsung.com |
| CHILE | 800-SAMSUNG (726-7864)<br>From mobile 02-482 82 00 | http://www.samsung.com |
| COLOMBIA | 01-8000112112 | http://www.samsung.com |
| COSTA RICA | 0-800-507-7267 | http://www.samsung.com/latin (Spanish)<br>http://www.samsung.com/latin_en (English) |
| DOMINICA | 1-800-751-2676 | http://www.samsung.com/latin (Spanish)<br>http://www.samsung.com/latin_en (English) |
| ECUADOR | 1-800-10-7267 | http://www.samsung.com/latin (Spanish)<br>http://www.samsung.com/latin_en (English) |
| EL SALVADOR | 800-6225 | http://www.samsung.com/latin (Spanish)<br>http://www.samsung.com/latin_en (English) |

| LATIN AMERICA | | |
|---|---|---|
| GUATEMALA | 1-800-299-0013 | http://www.samsung.com/latin (Spanish)<br>http://www.samsung.com/latin_en (English) |
| HONDURAS | 800-27919267 | http://www.samsung.com/latin (Spanish)<br>http://www.samsung.com/latin_en (English) |
| JAMAICA | 1-800-234-7267 | http://www.samsung.com |
| NICARAGUA | 00-1800-5077267 | http://www.samsung.com/latin (Spanish)<br>http://www.samsung.com/latin_en (English) |
| PANAMA | 800-7267 | http://www.samsung.com/latin (Spanish)<br>http://www.samsung.com/latin_en (English) |
| PERU | 0-800-777-08 | http://www.samsung.com |
| PUERTO RICO | 1-800-682-3180 | http://www.samsung.com |
| TRINIDAD & TOBAGO | 1-800-SAMSUNG (726-7864) | http://www.samsung.com |
| VENEZUELA | 0-800-100-5303 | http://www.samsung.com |

| EUROPE | | |
|---|---|---|
| AUSTRIA | 0810 - SAMSUNG (7267864,€ 0.07/min) | http://www.samsung.com |
| BELGIUM | 02-201-24-18 | http://www.samsung.com/be (Dutch)<br>http://www.samsung.com/be_fr (French) |
| BOSNIA | 05 133 1999 | http://www.samsung.com |
| BULGARIA | 07001 33 11 , normal tariff | http://www.samsung.com |
| CROATIA | 062 SAMSUNG (062 726 7864) | http://www.samsung.com |
| CYPRUS | 8009 4000 only from landline(+30) 210 6897691 from mobile and land line | http://www.samsung.com |

| EUROPE | | |
|---|---|---|
| CZECH | 800-SAMSUNG (800-726786) | http://www.samsung.com |
| | Samsung Electronics Czech and Slovak, s.r.o.,<br>Oasis Florenc, Sokolovská 394/17, 180 00, Praha 8 | |
| DENMARK | 70 70 19 70 | http://www.samsung.com |
| EIRE | 0818 717100 | http://www.samsung.com |
| ESTONIA | 800-7267 | http://www.samsung.com |
| FINLAND | 09 85635050 | http://www.samsung.com |
| FRANCE | 01 48 63 00 00 | http://www.samsung.com |
| GERMANY | 0180 5 SAMSUNG bzw.0180 5 7267864* (*0,14 €/Min. aus dem dt. Festnetz, aus dem Mobilfunk max. 0,42 €/Min.) | http://www.samsung.com |
| GREECE | 80111-SAMSUNG (80111 726 7864) only from land line(+30) 210 6897691 from mobile and land line | http://www.samsung.com |
| HUNGARY | 06-80-SAMSUNG (726-7864) | http://www.samsung.com |
| ITALIA | 800-SAMSUNG (726-7864) | http://www.samsung.com |
| LATVIA | 8000-7267 | http://www.samsung.com |
| LITHUANIA | 8-800-77777 | http://www.samsung.com |
| LUXEMBURG | 261 03 710 | http://www.samsung.com |
| MACEDONIA | 023 207 777 | http://www.samsung.com |
| MONTENEGRO | 020 405 888 | http://www.samsung.com |
| NETHERLANDS | 0900 - SAMSUNG (0900-7267864) (€ 0,10/Min) | http://www.samsung.com |
| NORWAY | 815 56480 | http://www.samsung.com |
| POLAND | 0 801-1SAMSUNG (172-678) +48 22 607-93-33 | http://www.samsung.com |
| PORTUGAL | 808 20-SAMSUNG (808 20 7267) | http://www.samsung.com |
| RUMANIA | 08008 SAMSUNG (08008 726 7864)<br>TOLL FREE No. | http://www.samsung.com |
| SERBIA | 0700 SAMSUNG (0700 726 7864) | http://www.samsung.com |
| SLOVAKIA | 0800 - SAMSUNG (0800-726 786) | http://www.samsung.com |

| EUROPE | | |
|---|---|---|
| SPAIN | 902 - 1 - SAMSUNG (902 172 678) | http://www.samsung.com |
| SWEDEN | 0771 726 7864 (SAMSUNG) | http://www.samsung.com |
| SWITZERLAND | 0848-SAMSUNG (7267864, CHF 0.08/min) | http://www.samsung.com/ch (German)<br>http://www.samsung.com/ch_fr (French) |
| U.K | 0330 SAMSUNG (7267864) | http://www.samsung.com |

| CIS | | |
|---|---|---|
| ARMENIA | 0-800-05-555 | http://www.samsung.com |
| AZERBAIJAN | 088-55-55-555 | http://www.samsung.com |
| BELARUS | 810-800-500-55-500 | http://www.samsung.com |
| GEORGIA | 0-800-555-555 | http://www.samsung.com |
| KAZAKHSTAN | 8-10-800-500-55-500 (GSM: 7799) | http://www.samsung.com |
| KYRGYZSTAN | 00-800-500-55-500 | http://www.samsung.com |
| MOLDOVA | 0-800-614-40 | http://www.samsung.com |
| MONGOLIA | +7-800-555-55-55 | http://www.samsung.com |
| RUSSIA | 8-800-555-55-55 | http://www.samsung.com |
| TADJIKISTAN | 8-10-800-500-55-500 | http://www.samsung.com |
| UKRAINE | 0-800-502-000 | http://www.samsung.com/ua (Ukrainian)<br>http://www.samsung.com/ua_ru (Russian) |
| UZBEKISTAN | 8-10-800-500-55-500 | http://www.samsung.com |

| ASIA PACIFIC | | |
|---|---|---|
| AUSTRALIA | 1300 362 603 | http://www.samsung.com |
| CHINA | 400-810-5858 | http://www.samsung.com |
| HONG KONG | (852) 3698 - 4698 | http://www.samsung.com/hk (Chinese)<br>http://www.samsung.com/hk_en (English) |

| ASIA PACIFIC | | |
|---|---|---|
| INDIA | 1800 1100 11<br>3030 8282<br>1800 3000 8282<br>1800 266 8282 | http://www.samsung.com |
| INDONESIA | 0800-112-8888 021-5699-7777 | http://www.samsung.com |
| JAPAN | 0120-327-527 | http://www.samsung.com |
| MALAYSIA | 1800-88-9999 | http://www.samsung.com |
| NEW ZEALAND | 0800 SAMSUNG (0800 726 786) | http://www.samsung.com |
| PHILIPPINES | 1-800-10-SAMSUNG (726-7864) for PLDT<br>1-800-3-SAMSUNG (726-7864) for Digitel<br>1-800-8-SAMSUNG (726-7864) for Globe<br>02-5805777 | http://www.samsung.com |
| SINGAPORE | 1800-SAMSUNG (726-7864) | http://www.samsung.com |
| TAIWAN | 0800-329-999<br>0266-026-066 | http://www.samsung.com |
| THAILAND | 1800-29-3232<br>02-689-3232 | http://www.samsung.com |
| VIETNAM | 1 800 588 889 | http://www.samsung.com |

| MIDDIE EAST | | |
|---|---|---|
| BAHRAIN | 8000-4726 | http://www.samsung.com/ae (English)<br>http://www.samsung.com/ae_ar (Arabic) |
| EGYPT | 08000-726786 | http://www.samsung.com |
| IRAN | 021-8255 | http://www.samsung.com |
| JORDAN | 800-22273<br>065777444 | http://www.samsung.com |
| KUWAIT | 183-2255 | http://www.samsung.com/ae (English)<br>http://www.samsung.com/ae_ar (Arabic) |
| MOROCCO | 080 100 2255 | http://www.samsung.com |

| MIDDIE EAST | | |
|---|---|---|
| OMAN | 800-SAMSUNG (726-7864) | http://www.samsung.com/ae (English)<br>http://www.samsung.com/ae_ar (Arabic) |
| SAUDI ARABIA | 9200-21230 | http://www.samsung.com/ae (English)<br>http://www.samsung.com/ae_ar (Arabic) |
| TURKEY | 444 77 11 | http://www.samsung.com |
| U.A.E | 800-SAMSUNG (726-7864) | http://www.samsung.com |

| AFRICA | | |
|---|---|---|
| ANGOLA | 91-726-7864 | http://www.samsung.com |
| BOTSWANA | 0800-726-000 | http://www.samsung.com |
| CAMEROON | 7095- 0077 | http://www.samsung.com |
| Cote D' Ivoire | 8000 0077 | http://www.samsung.com |
| GHANA | 0800-10077<br>0302-200077 | http://www.samsung.com |
| KENYA | 0800 724 000 | http://www.samsung.com |
| NAMIBIA | 8197267864 | http://www.samsung.com |
| NIGERIA | 0800-726-7864 | http://www.samsung.com |
| SENEGAL | 800-00-0077 | http://www.samsung.com |
| SOUTH AFRICA | 0860-SAMSUNG (726-7864) | http://www.samsung.com |
| TANZANIA | 0685 88 99 00 | http://www.samsung.com |
| UGANDA | 0800 300 300 | http://www.samsung.com |
| ZAMBIA | 211350370 | http://www.samsung.com |

# Trách nhiệm đối với Dịch vụ thanh toán (Chi phí đối với khách hàng)

Khi có yêu cầu dịch vụ, mặc dù đang trong thời gian bảo hành, chúng tôi có thể tính phí bạn đối với việc ghé thăm của kỹ thuật viên dịch vụ trong các trường hợp sau.

## Không phải lỗi sản phẩm

Vệ sinh sản phẩm, Điều chỉnh, Giải thích, Cài đặt lại và v.v...

- Nếu kỹ thuật viên dịch vụ cung cấp hướng dẫn về cách sử dụng TV hoặc chỉ điều chỉnh các tuỳ chọn mà không tháo rời sản phẩm.
- Nếu lỗi là do các yếu tố môi trường bên ngoài gây ra (Internet, Anten, Tín hiệu có dây, v.v...)
- Nếu sản phẩm được cài đặt lại hoặc thiết bị được kết nối thêm sau khi cài đặt sản phẩm đã mua lần đầu tiên.
- Nếu sản phẩm được cài đặt lại để chuyển đến một địa điểm khác hoặc để chuyển đến nhà khác.
- Nếu khách hàng yêu cầu hướng dẫn về cách sử dụng do sản phẩm khác của công ty.
- Nếu khách hàng yêu cầu hướng dẫn về cách sử dụng mạng hoặc chương trình khác của công ty.
- Nếu khách hàng yêu cầu thiết lập và cài đặt phần mềm cho sản phẩm.
- Nếu kỹ thuật viên dịch vụ loại bỏ/lau sạch bụi bẩn hoặc vật thể lạ bên trong sản phẩm.
- Nếu khách hàng yêu cầu cài đặt thêm sau khi mua sản phẩm thông qua mua hàng từ xa hoặc trực tuyến.

## Hỏng hóc sản phẩm do lỗi của khách hàng

Hỏng hóc sản phẩm do khách hàng sử dụng hoặc sửa chữa không đúng cách.

Nếu hỏng hóc sản phẩm do;

- Tác động bên ngoài hoặc rơi.
- Sử dụng thiết bị hoặc sản phẩm bán riêng không được chỉ định bởi Samsung.
- Sửa chữa từ một người không phải là kỹ sư của công ty dịch vụ bên ngoài hoặc đối tác của Samsung Electronics Co., Ltd.
- Tu sửa hoặc sửa chữa sản phẩm bởi khách hàng.
- Sử dụng sản phẩm với kết nối điện áp không chính xác hoặc không được chỉ định.
- Không tuân thủ "thận trọng" trong Sổ tay hướng dẫn sử dụng.

## Khác

- Nếu sản phẩm hỏng do thiên tai (sét, hoả hoạn, động đất, lũ lụt, v.v...) .

- Nếu các thành phần có thể thay thế được đều đã được sử dụng hết (Pin, Chất liệu màu, Đèn huỳnh quang, Đầu đọc, Màng rung, Đèn, Bộ lọc, Ruy băng, v.v...).

Nếu khách hàng yêu cầu dịch vụ trong trường hợp sản phẩm không bị lỗi, phí dịch vụ có thể được tính. Vì vậy, trước tiên hãy đọc Sổ tay hướng dẫn sử dụng.

# Thuật ngữ

### OSD (Hiển thị trên màn hình)

Hiển thị trên màn hình (OSD) cho phép bạn đặt cấu hình các cài đặt trên màn hình để tối ưu hóa chất lượng hình ảnh như yêu cầu. Phần này cho phép bạn thay đổi độ sáng, tông màu, kích thước màn hình và nhiều cài đặt khác bằng các menu được hiển thị trên màn hình.

### Coarse

Coarse là tần số của dao động sóng vô tuyến mỗi giây. Tần số cao hơn sẽ truyền được lượng dữ liệu lớn hơn và được phản xạ dễ hơn. Tần số thấp hơn sẽ vượt qua các vật cản dễ hơn và có thể đi xa hơn, nhưng truyền được lượng dữ liệu nhỏ hơn. Menu Coarse cho phép bạn điều chỉnh tần số theo cách thủ công để đạt được chất lượng hình ảnh tối ưu. Điều chỉnh Coarse bằng cách tham khảo Bảng chế độ tín hiệu tiêu chuẩn (trang 97) theo hoạt động của sản phẩm của bạn và thưởng thức chất lượng hình ảnh được cải thiện.

### Gamma

Menu Gamma điều chỉnh thang màu xám biểu thị tông màu trung gian trên màn hình. Điều chỉnh độ sáng sẽ làm sáng toàn bộ màn hình nhưng điều chỉnh Gamma chỉ làm sáng khu vực trung gian.

### Thang màu xám

Thang này đề cập đến các mức mật độ màu sắc, thể hiện các biến thể thay đổi màu sắc từ khu vực tối hơn sang khu vực sáng hơn trên màn hình. Các thay đổi đối với độ sáng của màn hình được thể hiện bằng biến thể màu đen và màu trắng, và thang màu xám đề cập đến khu vực trung gian giữa màu đen và màu trắng. Thay đổi thang màu xám thông qua điều chỉnh Gamma sẽ thay đổi độ sáng trung gian trên màn hình.

### Tốc độ quét

Tốc độ quét, hay tốc độ làm mới, đề cập đến tần số làm mới của màn hình. Dữ liệu màn hình được truyền khi được làm mới để hiển thị hình ảnh, mặc dù mắt thường không thể nhìn thấy việc làm mới. Số lần làm mới màn hình được gọi là tốc độ quét và được tính bằng Hz. Tốc độ làm mới bằng 60Hz nghĩa là màn hình được làm mới 60 lần mỗi giây. Tốc độ quét của màn hình phụ thuộc vào hiệu suất của card đồ họa trên máy tính và màn hình của bạn.

### Tần số quét ngang

Nhân vật hoặc hình ảnh hiển thị trên màn hình bao gồm rất nhiều chấm (điểm ảnh). Điểm ảnh được truyền theo dòng ngang, sau đó được sắp xếp theo chiều dọc để tạo thành hình ảnh. Tần số ngang được tính bằng kHz và biểu thị số lần các dòng ngang được truyền và hiển thị mỗi giây trên màn hình. Tần số ngang bằng 85 nghĩa là số dòng ngang tạo thành một hình ảnh được truyền 85 000 lần mỗi giây và tần số ngang được biểu thị bằng 85kHz.

### Tần số quét dọc

Một hình ảnh được tạo thành từ rất nhiều các dòng ngang. Tần số dọc được tính bằng Hz và biểu thị số lượng hình ảnh có thể tạo được mỗi giây bởi các dòng ngang đó. Tần số dọc bằng 60 nghĩa là một hình ảnh được truyền 60 lần mỗi giây. Tần số dọc cũng được gọi là "tốc độ làm mới" và ảnh hưởng đến độ nhấp nháy màn hình.

### Độ phân giải

Độ phân giải là số lượng điểm ảnh ngang và điểm ảnh dọc tạo thành màn hình. Nó biểu thị mức độ chi tiết của màn hình hiển thị.

Độ phân giải cao hơn hiển thị nhiều thông tin hơn trên màn hình và phù hợp để thực hiện nhiều tác vụ cùng một lúc.

Ví dụ: Độ phân giải 1920 x 1080 bao gồm 1920 điểm ảnh ngang (tần số ngang) và 1080 dòng dọc (độ phân giải dọc).

### Cắm và Chạy

Tính năng Plug & Play cho phép tự động trao đổi thông tin giữa màn hình và máy tính để tạo ra môi trường hiển thị tối ưu.

Màn hình sử dụng VESA DDC (tiêu chuẩn quốc tế) để chạy chức năng Cắm và Chạy.

# Chỉ mục


## Â

Âm lượng Bộ định Giờ bật *78*

## B

Bản quyền *7*

Bảng chế độ tín hiệu chuẩn *97*

Bộ định Giờ bật *76*

## C

Các bộ phận *22*

Các lưu ý về an toàn *11*

Cài đặt *26*

Cài đặt lại *71*

Cấu hình Volume trên Màn hình khởi động *82*

Coarse *60*

## Đ

Đỏ *63*

Đồng hồ *74*

Độ sáng *54*

Độ sắc nt *56*

Độ tương phản *55*

Độ trong suốt của trình đơn *81*

## E

Eco Saving *73*

## G

Gamma *67*

## H

Hẹn giờ tắt *75*

Hỏi & Đáp *92*

## K

Kết nối để Sử dụng "Windows Embedded Standard 7" *33*

Kết nối và sử dụng PC *46*

Kiểm tra các thành phần *19*

Kích thước Hình ảnh (chỉ mẫu TC241W) *69*

## L

Làm sạch *9*

Liên hệ SAMSUNG WORLDWIDE *100*

## M

Máy khách Windows Embedded Standard 7 là gì *31*

Mịn *61*

MultiScreen *84*

## N

Natural Color *83*

Ngôn ngữ *72*

Nguồn tín hiệu Bộ định Giờ bật *77*

Những yêu cầu trước khi liên hệ Trung tâm Dịch vụ Khách hàng Samsung *89*

## P

Phím Tùy chỉnh *79*

## S

SAMSUNG MAGIC Angle *58*

SAMSUNG MAGIC Bright *57*

SAMSUNG MAGIC Color *62*

Sử dụng Windows Embedded Standard 7 *34*

## T

Thông số chung *94*

# Chỉ mục

Thời gian hiển thị *80*

Thuật ngữ *108*

Tông màu *66*

Trách nhiệm đối với Dịch vụ thanh toán Chi phí đối với khách hàng *106*

Trình tiết kiệm năng lượng *96*

Trước khi kết nối *45*

Tư thế đúng khi sử dụng sản phẩm *18*

THÔNG TIN *82*

## X

Xanh da trời *65*

Xanh lá cây *64*